

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIÒNG RIỀNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Số: /UBND-VPĐP

Giồng Riềng, ngày tháng năm 2024

V/v lấy ý kiến dự thảo báo cáo
kết quả thẩm tra mức độ đạt nông
thôn mới nâng cao đối với xã
Bàn Tân Định năm 2024

Kính gửi:

- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện;
- Các Tổ chức chính trị - xã hội huyện.

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025;

Để đảm bảo đầy đủ các thủ tục, hồ sơ đề nghị tỉnh thẩm định, xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định tại Quyết định số 18/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Chủ tịch UBND huyện đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Huyện Đoàn, Hội Cựu Chiến binh; Liên đoàn lao động huyện cho ý kiến về dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra mức độ đạt nông thôn mới nâng cao xã Bàn Tân Định năm 2024.

Ý kiến góp ý bằng văn bản gửi về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT huyện) chậm nhất đến hết ngày **18/12/2024**. Nếu quá thời gian nêu trên, các đơn vị không có phản hồi xem như thống nhất với dự thảo báo cáo.

***Lưu ý:** UBND huyện có xây dựng Dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra nông thôn mới nâng cao xã Bàn Tân Định gửi lên công thông tin điện tử UBND huyện Giồng Riềng để lấy ý kiến tham gia của các Tổ chức chính trị - xã hội huyện.

Nhận được công văn, yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện. Trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc liên hệ Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện để phối hợp, xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- PCT. HĐND huyện (báo cáo);
- CT và các PCT. UBND huyện;
- Văn phòng Điều phối NTM huyện;
- LĐVP, đ/c Tuấn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Văn Thái Quỳnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Giồng Riềng, ngày tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Quyết định số 1853/QĐ-UBND ngày 21/6/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi một số nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí xã NTM, NTM nâng cao tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025; và sửa đổi phân công hướng dẫn một số nội dung tiêu chí của Bộ tiêu chí huyện NTM và huyện NTM nâng cao.

Căn cứ Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn năm 2024 tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/HU ngày 06/7/2021 của Huyện ủy Giồng Riềng về việc xây dựng nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND huyện về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Giồng Riềng.

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 15/7/2022 của UBND huyện về việc tập trung chỉ đạo 05 xã theo lộ trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Bàn Tân Định, UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối

với xã Bàn Tân Định, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 25/9/2024 đến ngày 10/11/2024)

1. Về hồ sơ

Hồ sơ đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 của UBND xã Bàn Tân Định đủ thành phần, số lượng theo quy định tại Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Hồ sơ gồm:

-Tờ trình của UBND xã về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

-Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao đến năm 2024 trên địa bàn xã Bàn Tân Định.

-Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc xã, các tổ chức chính trị - xã hội của xã và Nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 trên địa bàn xã Bàn Tân Định.

-Biên bản cuộc họp của UBND xã Bàn Tân Định đề nghị xét, công nhận xã Bàn Tân Định đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

-Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng trên địa bàn xã Bàn Tân Định.

-Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao của xã Bàn Tân Định.

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao

-Trên cơ sở Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 03 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

-UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2749, 2750/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021- 2025; Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 06/3/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn năm 2024 tỉnh Kiên Giang;

-Kế hoạch số 106/KH-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

nông thôn mới trên địa bàn huyện Giồng Riềng, giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 18/01/2024 của UBND huyện Giồng Riềng về việc chỉ đạo xây dựng xã Bàn Tân Định đạt nông thôn mới nâng cao năm 2024.

-Đảng ủy, UBND xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo thực hiện, như sau: Nghị quyết số 92-NQ/ĐU ngày 30/11/2023 của Đảng ủy xã về phương hướng nhiệm vụ năm 2024; Nghị quyết số 55-NQ/ĐU ngày 29/8/2022 của Đảng ủy xã Bàn Tân Định về lãnh đạo, chỉ đạo duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đến năm 2025; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 14/3/2024 của Ủy ban nhân dân xã Bàn Tân Định về việc thực hiện chương trình MTQG về nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2024; Quyết định số 241-QĐ/ĐU ngày 28/02/2024 về việc kiện toàn Ban chỉ đạo các chương trình MTQG xã Bàn Tân Định; Quyết định số 402/QĐ-UBND xã ngày 13/11/2024 của UBND xã về việc kiện toàn Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Bàn Tân Định,...

-Tiến độ thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao được đưa vào nội dung các cuộc họp tháng, sơ kết quý, 6 tháng và tổ chức sơ, tổng kết để đánh giá kết quả thực hiện.

3. Xã Bàn Tân Định đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019: theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND, ngày 02/5/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc công nhận xã Bàn Tân Định huyện Giồng Riềng đạt chuẩn nông thôn mới. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 và UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 03/11/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Căn cứ kết quả rà soát, thẩm tra của các ngành huyện: Trong năm 2024, xã Bàn Tân Định giữ vững, nâng chất lượng 19/19 tiêu chí về xã nông thôn mới cụ thể như sau:

1. Tiêu chí 1 Quy hoạch

-Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025.

Quy hoạch chung của xã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 9969/QĐ-UBND ngày 24/11/2023, của UBND huyện về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000.

-Chỉ tiêu 1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

UBND huyện ban hành quy chế theo quyết định số 5344/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Giồng Riềng về việc ban hành quy chế quản lý Quy hoạch chung xây dựng xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 9969/QĐ-UBND ngày 24/11/2023.

*Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch.**

2. Tiêu chí 2 Giao thông

- Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

Tổng số đạt chuẩn 13/13km đạt 100%.

-*Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường áp và đường liên áp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm $\geq 90\%$.*

Tổng số đạt chuẩn 10,63km/10,63km đạt 100%.

-*Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm 100%.*

Tổng số đạt chuẩn 36,812km /36,812km đạt 100%.

-*Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm $\geq 50\%$.*

Xã không quy hoạch loại tuyến đường này.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 2 về giao thông.**

3. Thủy lợi và phòng, chống thiên tai:

-*Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động $\geq 80\%$.*

Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động: 7.108,98 ha/7.341,36 ha, đạt 96,80%.

-*Chỉ tiêu 3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.*

Xã có thành lập Ban chỉ huy, phòng chống thiên tai và TKCN; được kiện toàn thường xuyên, liên tục theo quy định và đồng thời có phân công công chức theo dõi lĩnh vực PCTT của Ban chỉ huy PCTT & TKCN và đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai.**

4. Tiêu chí 4 về Điện

-*Chỉ tiêu 4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.*

Hệ thống lưới điện trên địa bàn xã do điện lực Giồng Riềng quản lý. Trong những năm qua, ngành điện đã huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng lưới điện xã, đồng thời thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo hệ thống lưới điện trung áp, hạ áp để đảm bảo thông số kỹ thuật của ngành điện và đảm bảo phục vụ sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt trên địa bàn xã.

-*Chỉ tiêu 4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.*

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn có 3.149 hộ/3.155 hộ đạt tỷ lệ 99,81%.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí số 4 về điện.**

5. Tiêu chí 5 về Trường học

Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định $\geq 70\%$.

Toàn xã Bàn Tân Định có 03 đơn vị trường học các cấp gồm: 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường TH&THCS. Kết quả 03/03 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất, tỷ lệ đạt 100%, trong đó trường mầm non đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trường tiểu học Bàn Tân Định đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất

mức độ 2 và đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, Trường tiểu học và THCS Bàn Tân Định đã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1.

*Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí số 5 về trường học.**

6. Tiêu chí 6 về Cơ sở vật chất văn hoá:

-Chỉ tiêu 6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã.

Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Diện tích: 1.062m², đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước, bao gồm các hạng mục như: Sân khấu ngoài trời, sân bóng đá, bóng chuyền, sân cầu lông, hội trường sử dụng hội trường UBND xã sức chứa 300 người. Riêng nhà thi đấu đa năng và các phòng chức năng của Trung tâm Văn hóa Thể thao xã đã có quỹ đất và đã có quyết định đầu tư xây dựng, bao gồm các hạng mục như: Nhà văn hóa đa năng, trong đó có 01 sân khấu; 05 phòng chức năng, 01 sân bóng đá, đảm bảo cơ bản cho việc tổ chức các sự kiện và các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao trên địa bàn xã.

-Chỉ tiêu 6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định.

Trên địa bàn xã trung dụng điểm nhà văn hóa ấp tổ chức vui chơi, giải trí, sinh hoạt thể dục thể thao phục vụ vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi như thể dục buổi sáng, các hoạt động văn hóa - thể thao,...; Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch phòng, chống đuối nước và tai nạn thương tích cho trẻ em, đồng thời phối hợp với các điểm trường triển khai tổ chức triển khai thực hiện.

-Chỉ tiêu 6.3 Tỷ lệ ấp có trụ sở gắn với nhà văn hóa ấp hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.

Xã Bàn Tân Định có 07 ấp được xây dựng nhà thông tin gắn với trụ sở làm việc ấp, có diện tích xây dựng 500m², sức chứa 100 người. 07 ấp có tổng số 15 sân chơi thể thao bao gồm: 6 sân cầu lông, 02 sân bóng đá Mini, 7 sân bóng chuyền, đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao ở ấp.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 6 về cơ sở vật chất văn hóa.**

7. Tiêu chí 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

Xã có 01 nhà lồng chợ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân mua bán và trao đổi hàng hóa. Tổng diện tích mặt bằng chợ là 1.500m², có 37 điểm kinh doanh dịch vụ mua bán trao đổi hàng hóa, trong đó có 07 sạp mua bán cố định.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.**

8. Tiêu chí 8 về Thông tin và Truyền thông

-Chỉ tiêu 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính

Xã có Bưu điện thành lập theo Quyết định thành lập Bưu điện VHX đa dịch vụ, số 705/QĐ-BĐKG, ngày 08/7/2005 của Giám đốc Bưu điện tỉnh Kiên Giang. Điểm bưu điện văn hóa xã có đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, hiện bưu điện văn hóa xã có 01 bộ máy vi tính, 01 máy in, 01 máy scan, để phục vụ dịch vụ công trực tuyến.

-Chỉ tiêu 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet

Xã có 07/7 ấp đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất; sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất; có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất; đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng di động mặt đất.

-Chỉ tiêu 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa.

Xã có 26 cụm loa trên địa bàn 07 ấp. Số ấp có cụm loa truyền thanh hoạt động thường xuyên là 26 cụm trên địa bàn 07 ấp, đạt 100%. Trong đó có 26 cụm loa không dây ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông; Tần suất tiếp sóng, phát lại các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Kiên Giang, Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện

-Chỉ tiêu 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

Hiện nay ở cơ quan xã có 32 bộ máy vi tính được đặt ở phòng làm việc của cán bộ, công chức, viên chức xã, được kết nối Internet, trong đó có 02 máy có hệ thống thư điện tử, 04 máy được cài đặt ứng dụng CNTT trong giải quyết thủ tục hành chính (04 máy bố trí bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;) 02 máy scan. Máy vi tính giúp người dân số hóa tài liệu và cử 01 người thường xuyên hướng dẫn người dân nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 8 về Thông tin và Truyền thông.**

9. Tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư

-Chỉ tiêu 9.1. Nhà tạm, dột nát.

Trên địa bàn xã không còn nhà tạm, dột nát

-Chỉ tiêu 9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố $\geq 70\%$.

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: 3.058/3.155 hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn 3 cứng đạt tỷ lệ 97%.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 9 về Nhà ở dân cư.**

10. Tiêu chí 10 về Thu nhập

Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 là 72.250.000 đồng/người/năm.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 10 về Thu nhập.**

11. Tiêu chí 11 về Nghèo đa chiều

Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 chiếm 1,93% so với quy định <4%.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt Tiêu chí 11 về Nghèo đa chiều.**

12. Tiêu chí 12 về Lao động

-Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 70\%$.

Số lao động qua đào tạo là 6.728 /8.790 người, đạt 76,54%.

-Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 25\%$.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 2.768/8.790 người đạt tỷ lệ 31,5%.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 12 về Lao động.**

13. Tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn

-Chỉ tiêu 13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động có hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã.

Toàn xã có 05 HTX nông nghiệp với diện tích 908,68 ha, 691 thành viên, tổng vốn điều lệ 622,762 triệu đồng, giải quyết việc làm cho hơn 1.036 lao động thường xuyên và theo thời vụ. Hầu hết các HTX nông nghiệp đều quản lý được 03 khâu cơ bản là bơm tát tập thể gắn với quản lý lịch thời vụ và liên kết bao tiêu sản phẩm lúa hàng hóa. Điển hình HTX Thuận Thành hoạt động theo Luật Hợp tác xã, đã triển khai thực hiện ký kết hợp đồng với Công ty thương mại KG – Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Giồng Riềng từ năm 2021 đến nay. Các HTX đều xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hàng vụ, chia lãi công khai và thông qua hội nghị thành viên; có ý thức chăm lo cho thành viên; cá nhân từng thành viên trong Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm cao... đã góp phần động viên, thúc đẩy phong trào kinh tế hợp tác xã nhà phát triển.

-Chỉ tiêu 13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững.

Sản phẩm chủ lực của xã là cây lúa, nhằm chuyển giao quy trình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ, gắn với liên kết tiêu thụ lúa gạo đến với nông dân, đã triển khai thực hiện mô hình phát triển sản xuất lúa tập trung gắn với liên kết tiêu thụ tại Hợp tác xã nông nghiệp Thuận Thành, diện tích 118,72 ha.

-Chỉ tiêu 13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

Vùng nguyên liệu chủ yếu (chủ lực là cây lúa) gắn với mã số vùng trồng (lúa) - được 09 mã số còn hiệu lực sử dụng, gồm các mã số sau: Trên địa bàn xã được cấp 9 mã vùng trồng trên cây lúa phục vụ xuất khẩu, với tổng diện tích 270,77 ha, có 142 hộ.

+Mã số xuất khẩu sang thị trường Châu Âu do Chi cục Bảo vệ thực vật cấp 01 mã: (VN-KGOR-0068LUA-EU, sản lượng lúa gạo hàng năm khoảng 800 tấn đưa ra thị trường tiêu thụ, kèm theo công văn số 2886/BVTV-HTQT ngày 14/9/2022 của Cục BVTV)

+Mã số nội bộ do Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh cấp là 08 mã: RD.KR0R-0165, RD.KGOR-0168, RD.KGOR-0169, RD.KGOR-0166, RD.KGOR-0167, RD.KGOR-0170, RD.KGOR-0496 VÀ RD.KOR-0497; hàng năm sản lượng lúa gạo đưa ra thị trường tiêu thụ khoảng 1.840 tấn (Kèm theo Thông báo số 506/TB-CCTTBVTV ngày 31/8/2023 và thông báo số 685/TB-CCTTBVTV ngày 30/9/2024 của Chi cục trồng trọt & BVTV)

Từ đó thực hiện tốt khâu truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực (lúa) thông qua thực hiện tốt các nội dung theo yêu cầu của mã số vùng trồng và thực hiện giám sát vùng trồng định kỳ (2 lượt) theo quy định cùng các hồ sơ minh chứng kèm theo đầy đủ.

-Chỉ tiêu 13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường.

Năm 2019, nghề vót đũa tre của đồng bào dân tộc Khmer tại ấp Tràm Chệt được công nhận là nghề truyền thống. Từ đó, hằng năm UBND xã đều xây dựng và triển khai kế hoạch bảo tồn và phát triển nghề truyền thống vót đũa tre. Đến năm 2023 sản phẩm đũa tre ấp Tràm Chệt được công nhận là sản phẩm OCOP “3 sao” của xã.

-Chỉ tiêu 13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

Tổ khuyến nông cộng đồng xã Bàn Tân Định được thành lập theo Quyết định số 1034/QĐ-SNNPTNT ngày 30/12/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Kiên Giang. Cơ cấu nhân sự gồm 06 người, trong đó 01 đ/c viên chức trạm khuyến nông làm tổ trưởng, 01 đ/c Phó Chủ tịch UBND xã làm tổ phó, 03 cán bộ tổ KTKT, 01 công chức nông nghiệp xã và 01 giám đốc HTX làm thành viên.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn.**

14. Tiêu chí 14 về Giáo dục và Đào tạo

-Chỉ tiêu 14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ.

Xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập mầm non trẻ em 5 tuổi năm 2024, cụ thể như sau: Huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100% (102/102 trẻ); trẻ trong độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% (106/106 trẻ).

Năm 2024 xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3, cụ thể như: huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt: 100% (124/124); trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 92,35% (169/183 em); tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đạt 100% (739/739); tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp đạt 96,62% (714/739 em).

Năm 2024 xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 cụ thể như: độ tuổi 15 đến 25 tuổi: 1.673/1.673 người biết chữ, đạt tỷ lệ 100%; độ tuổi 15 đến 35 tuổi: 4.021/4.029 người biết chữ, đạt tỷ lệ 99,80%; độ tuổi 15 đến 60 tuổi: 8.415/8.758 người biết chữ, đạt tỷ lệ 96,08%.

-Chỉ tiêu 14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp) $\geq 80\%$.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS tiếp tục học THPT, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp đạt 96,62% (714/739 em).

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 14 về Giáo dục và Đào tạo.**

15. Tiêu chí 15 về Y tế

-Chỉ tiêu 15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) $\geq 90\%$.

Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế, xã tiếp tục tuyên truyền vận động từ nay đến cuối năm tỷ lệ người dân toàn xã tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,20%.

-Chỉ tiêu 15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế.

Trạm y tế xã đã đạt chuẩn Quốc gia năm 2017, trạm được đầu tư xây dựng mới khang trang, diện tích rộng và có đủ điều kiện tổ chức khám chữa bệnh bảo hiểm y tế để phục vụ nhu cầu của bà con trong xã.

-Chỉ tiêu 15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 19\%$.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi là 69/825 trẻ chiếm 8,36%.

-Chỉ tiêu 15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử

Trạm Y tế thực hiện tốt việc mở sổ khám chữa bệnh điện tử cho nhân dân; trên cơ sở lịch sử khám chữa bệnh của nhân dân được trạm y tế cập nhật và quản lý đúng hướng dẫn, đạt 74,48% so với tổng dân số toàn xã.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 15 về Y tế.**

16. Tiêu chí 16 về Văn hóa

Tỷ lệ áp dụng tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới $\geq 80\%$.

Hàng năm UBND xã xây dựng kế hoạch phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; thường xuyên duy trì 07/7 áp dụng tiêu chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 100%; Hàng năm Ban chỉ đạo đời sống văn hóa xã triển khai đầy đủ các văn bản theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 08/8/2019 về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận “Gia đình văn hóa và ấp văn hóa” trên địa bàn xã. Xã có xây dựng Kế hoạch và tổ chức triển khai lồng ghép phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” với phong trào “Xây dựng nông thôn mới”; bên cạnh đó, địa phương còn đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vận động Nhân dân thực hiện xây dựng nếp sống văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt tiêu chí 16 về Văn hóa.**

17. Tiêu chí 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm

-Chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn $\geq 45\%$ ($\geq 30\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung).

Tỷ lệ hộ được sử dụng từ công trình cấp nước tập trung 1.781/3.155 hộ, chiếm 56,45%.

-Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường $\geq 95\%$

Kết quả trên địa bàn xã có 23 cơ sở thuộc đối tượng lập thủ tục đăng ký cam kết bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đều đăng ký cam kết bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch môi trường theo quy định và được UBND huyện xác nhận, đạt 100%. Biện pháp xử lý chất thải phát sinh đều được thực hiện đúng các nội dung cam kết bảo vệ môi trường như chất thải thông thường thu gom bán phế liệu, chất thải nguy hại lưu giữ kho chứa trả về công ty cung cấp hoặc thu đơn vị có chức năng xử lý.

Trên địa bàn xã Bàn Tân Định nuôi trồng thủy sản chủ yếu nhỏ lẻ như nuôi cá trên ruộng lúa, nuôi vèo tập trung chủ yếu vào mùa nước lũ, đều đảm bảo vệ sinh môi trường, chủ yếu tận dụng thức ăn mùa lũ, ít sử dụng thức ăn công nghiệp, không sử dụng thuốc thú y, thủy sản hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép. Trên địa bàn xã Bàn Tân Định không có “Làng nghề” hoạt động.

Thời gian qua, trên địa bàn xã chưa có đơn tố cáo liên quan đến quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân, chưa có cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

-Chỉ tiêu 17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung

Nhìn chung cảnh quan môi trường tương đối khang trang, sạch đẹp, cắt tỉa cành, đảm bảo không để ảnh hưởng đến an toàn giao thông, các công trình công cộng, đảm bảo không trồng các loại cây thuộc danh mục loài ngoại lai xâm hại theo quy định. Các tuyến kênh đều có quy hoạch danh mục nạo vét hàng năm nhằm đảm bảo phục vụ cho nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp góp phần tạo cảnh quan thông thoáng an toàn phù hợp với đặc điểm kinh tế, sinh thái, văn hóa của địa phương, không có hoạt động làm suy giảm môi trường. Thời gian qua đã tuyên truyền vận động người dân giữ gìn vệ sinh, trồng cây xanh, cây hoa kiểng, làm hàng rào cây xanh. Đối với khu vực công cộng có bố trí các dụng cụ chứa rác thải, thường xuyên tổ chức thu gom và xử lý theo quy định.

-Chỉ tiêu 17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($2m^2/người$).

Xã Bàn Tân Định có 12.880 khẩu với 3.155 hộ, tổng số cây xanh 6.229 cây nằm rải đều dọc theo các tuyến đường liên xã, ven sông, bờ kênh thuộc địa bàn 07 ấp trong xã là cây bản địa có khả năng chống chịu, sinh trưởng, phát triển tốt, có tác dụng che phủ, kinh tế như: Tràm, xà cừ, cây sao, dầu, các loại cây ăn trái lâu năm (xoài, mít, vú sữa, dứa, ...), với độ che phủ chiếm $4,36 m^2/người$.

-Chỉ tiêu 17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch

Bàn Tân Định được quy hoạch xây dựng hệ thống nghĩa trang được phê duyệt tại Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 18/02/2013, của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Ngoài ra xã có 01 nghĩa địa tại ấp Năm Chiến diện tích là $1.101 m^2$, có 01 nghĩa trang tại Giáo Xứ Tân Bình diện tích $4.024 m^2$ và 01 lò hỏa táng ở chùa Champacheay Tràm Chệt; Các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

-Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định $\geq 85\%$

* CTR sinh hoạt: Toàn xã, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại phát sinh khoảng $1.663,0kg/ngày$. Hiện tại trên địa bàn xã có 01 xe thu gom và có bãi rác tập trung; bố trí 250 thùng đựng rác chuyên dùng. Lượng rác thải phát sinh được UBND xã phối hợp với UBMTTQ Việt Nam, phụ nữ, các đoàn thể xã vận động nhân dân xây dựng hố rác gia đình, đào hố xử lý rác. Hiện tại trên địa bàn xã có $1.045/3.155$ hộ được hợp đồng thu gom rác, chiếm $33,12\%$; có

1.959/3.155 hộ xây dựng lò đốt rác và hố chôn lấp để xử lý rác, chiếm 62,09%, có 151/3.155 hộ tự thu gom hoặc bỏ phía sau nhà để đốt, chiếm 4,78%. Việc xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã đạt 95,21% (3.004/3.155 hộ).

* CTR không nguy hại

+Đối với chất thải nông nghiệp: phụ phẩm phát sinh trong nông nghiệp có được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt, sản xuất nấm, màng phủ sản xuất hoa màu, phần còn lại vận động hộ dân xây dựng hố rác gia đình để thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

+Đối với chất thải xây dựng, phát sinh chủ yếu từ các công trình dân dụng, nhà ở của người dân trên địa bàn thì UBND xã Bàn Tân Định chưa ước tính được. Tuy nhiên, thực tế lượng rác thải này được tái sử dụng để san lấp mặt bằng

-Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%.

* Đối với chất thải rắn y tế: rác thải y tế thông thường, rác thải y tế nguy hại được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định. Hiện tại xã thống kê khối lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh khoảng 35 kg/tháng được thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường; còn đối với chất thải y tế nguy hại phát sinh khoảng 4,8 kg/tháng (được xử lý tại lò đốt rác thải y tế của huyện), đạt 100%, đảm bảo theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế.

* Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng: Hiện tại, trên địa bàn xã có 37 điểm thu gom bao bì, chai lọ hóa chất BVTV sau sử dụng trên địa bàn 7/7 ấp. UBND xã phối hợp với UBMT Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã tổ chức tuyên truyền nhân dân về tác hại của dư lượng, phế phẩm, bao bì sau sử dụng của thuốc BVTV; vận động nhân dân sau khi phun hóa chất BVTV phải thu gom bao, gói thuốc BVTV bỏ vào các điểm thu gom hoặc đối với những nơi chưa xây dựng được điểm thu gom hộ gia đình thu gom vào bao để kín đáo trong vườn nhà hoặc trong kho không vút trực tiếp ra đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường. Phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trạm BVTV thu gom và xử lý. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn xã còn ở mức thấp. Trung bình, hàng năm khối lượng bao bì, chai lọ thuốc BVTV được thu gom, xử lý khoảng 1.291,1 kg/năm, đạt 100%. Hiện nay xã đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM để thu gom, vận chuyển và xử lý.

-Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 70\%$.

Tỷ lệ số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa hợp vệ sinh và nhà đảm bảo 3 sạch là 2.994/3.155 hộ đạt 94,89%.

-Chỉ tiêu 17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường $\geq 70\%$.

Có 115/133 hộ chăn nuôi áp dụng các biện pháp kỹ thuật, đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y và bảo vệ môi trường đạt 86,46 %.

-Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 100%.

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm 67/67 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt 100%.

-Chỉ tiêu 17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn $\geq 30\%$

Hiện nay trên địa bàn xã có 1.695/3.155 hộ phân loại rác thải tại nguồn, đạt 53,72% đảm bảo theo quy định.

-Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế $\geq 50\%$.

UBND các xã có xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021 - 2025” và kế hoạch giảm thiểu sử dụng và phòng, chống rác thải nhựa, túi nilon trên địa bàn xã, qua đó xã đã tổ chức triển khai, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng tái chế, xử lý chất thải nhựa. Trên địa bàn xã đã thành lập mô hình “đổi sản phẩm nhựa sử dụng một lần lấy gạo và nhu hóa phẩm thiết yếu”, đã đổi được 180 kg/tháng rác thải nhựa, góp phần giảm lượng rác thải nhựa ra môi trường, gây mất vệ sinh môi trường và cảnh quan môi trường. Đến nay tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế đạt 76,02%.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt Tiêu chí 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.**

18. Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

-Chỉ tiêu 18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.

Tổng số cán bộ, công chức xã là 21 người, đạt chuẩn **21/21 người (đạt chuẩn 100%)**

-Chỉ tiêu 18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đến nay Đảng bộ, chính quyền xã Bàn Tân Định được xếp loại chất lượng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

-Chỉ tiêu 18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Các tổ chức chính trị - xã hội của xã hàng năm đều được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

-Chỉ tiêu 18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Trong năm 2023 có giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đã có thành tích xuất sắc đột xuất trong hoạt động mô hình phổ biến giáo dục pháp luật có hiệu quả năm 2023. Mô hình “Câu lạc bộ Phật tử chùa Tràm Chẹt không tham gia các tệ nạn xã hội”, Tổ hòa giải có thành tích tốt trong thực hiện mô hình “Mô hình Tổ hòa giải 3 tốt” của ấp Trần Văn Nghĩa xã Bàn Tân Định, (Kèm giấy khen)

-Chỉ tiêu 18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

Xã luôn thực hiện tốt công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình, thực hiện đầy đủ các phương án bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.

Hiện Ban chấp hành Đảng ủy xã có 4/15 người là nữ, đạt tỷ lệ 26,66%. Đảng ủy xã có quy hoạch phó BT đảng ủy xã là 01 nữ, chủ tịch HĐND xã là 01 nữ, phó chủ tịch HĐND xã là 01 nữ, PCT UBND xã là 03 nữ, ủy viên BTV Đảng ủy 01 nữ (Theo Quyết định số 3425-QĐ/HU ngày 08/8/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy).

Hiện nay, số Hội viên là thành viên của Hợp tác xã của xã là 110 người trên tổng số 691 người là thành viên Hợp tác xã chiếm 15,9%. Xã luôn tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia vào các dự án giảm nghèo, mô hình sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).

Có 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật có nhu cầu vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng được hỗ trợ vay vốn. Trên địa bàn không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép hôn. Tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030.

Trên địa bàn có 01 địa chỉ tin cậy – nhà tạm lánh ở cộng đồng đặt tại Công an xã và Trạm Y tế đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình.

UBND xã thành lập Ban bảo vệ trẻ em (theo Quyết định số: 421 QĐ/UBND ngày 21/11/2024 gồm 10 đồng chí, do Phó Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban, đại diện các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của địa phương làm thành viên; quy định trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong việc tham gia bảo vệ trẻ em. Năm 2023 và đến thời điểm hiện tại, xã không có trẻ em bị tổn hại về thể chất tình cảm, tâm lý, danh dự, nhân phẩm do bạo lực bóc lột, xâm hại tình dục, mua bán, bỏ rơi, bỏ mặc trẻ em và các hình thức gây tổn hại khác.

-Chỉ tiêu 18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp.

Từ khi triển khai thực hiện xây dựng xã Nông thôn mới, BCD, BQL xã luôn cử đúng và đủ thành phần tham gia các lớp tập huấn về NTM tại Tỉnh, Huyện. Trong năm 2024, xã xây dựng kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 15/02/2024 và có triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp. *(Có thông báo, danh sách người tham dự tập huấn và báo cáo kết quả tập huấn kèm theo).*

* Nhận xét đánh giá: **Đạt Tiêu chí 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.**

19. Tiêu chí 19 về Quốc phòng và an ninh

-Chỉ tiêu 19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng

Xã đội: Số lượng cán bộ trong Ban chỉ huy quân xã đủ theo quy định, có 01 chỉ huy trưởng, 01 chính trị viên, 02/2 phó chỉ huy trưởng, 01 chính trị viên phó, 03 chiến sỹ Dân quân thường trực tại Ban chỉ huy quân sự xã, trình độ chuyên môn Chỉ huy trưởng được đào tạo Trung Cấp quân sự cơ sở; 01 Chỉ huy phó được đào tạo Cao đẳng quân sự cơ sở; 1 phó chỉ huy trưởng được đào tạo Trung Cấp quân sự cơ sở, Trung đội trưởng Dân quân cơ động là đảng viên. Hàng năm được cử đi tập huấn, bồi dưỡng về chính trị quân sự chuyên ngành.

Tổ chức biên chế cho lực lượng Dân quân tự vệ đúng hướng dẫn một số điều Luật DQTV và Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành một số điều Luật Dân quân tự vệ; có xây dựng kế hoạch phối hợp với công an theo Nghị định Số: 03/2019/NĐ-CP, ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ, Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của chính phủ.

Hàng năm quân nhân dự bị và phương tiện kỹ thuật được đăng ký quản lý chặt chẽ 100% sẵn sàng động viên khi có lệnh. Lực lượng Dự bị động viên hạng I có 163 lực lượng đạt 0,92% so với dân số, đảng viên 17 đồng chí đạt 10,4% so với lực lượng. Nữ có chuyên môn kỹ thuật 3 người (Y tế). Lực lượng Dự bị động viên hạng II toàn xã có 1.553 lực lượng.

-Chỉ tiêu 19.2 Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Công an xã hiện có 06 đồng chí, trong đó: 01 Trưởng công an, 02 Phó trưởng Công an, 03 cán bộ chiến sỹ. Thực hiện Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị quyết số 08/2024/NQ-HDDND ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh, quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự; mức chi và chế độ chính sách cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở địa bàn tỉnh Kiên Giang. Đến nay trên địa bàn xã đã kiện toàn được 07 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở với 28 thành viên (trong đó có 07 Tổ trưởng, 07 tổ phó) chưa được tập huấn nghiệp vụ, qua kiện toàn và phân hầu hết các tổ hoạt động tốt, hỗ trợ kịp thời cho Công an xã trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm ở địa phương.

* Nhận xét đánh giá: **Đạt Tiêu chí 19 về Quốc phòng và an ninh.**

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Tổng số tiêu chí được tổ chức đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100 %, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên. (*chỉ tiêu đạt*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 1.1. Quy hoạch chung của xã được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 9969/QĐ-UBND ngày 24/11/2023, của UBND huyện Giồng Riềng về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng đến năm 2040, tỷ lệ 1/10.000.

-Chỉ tiêu 1.2 Có Quyết định ban hành quy chế theo quyết định số 5344/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Giồng Riềng về việc ban hành quy chế quản lý Quy hoạch chung xây dựng xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang theo quy hoạch được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 9969/QĐ-UBND ngày 24/11/2023;

-Chỉ tiêu 1.3 Có quy hoạch chi tiết Trung tâm xã tại Quyết định số 6847/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết Trung tâm xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang, quy mô 24,9ha, tỷ lệ 1/500;

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

2. Tiêu chí số 2 về Về giao thông

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định. (*chỉ tiêu đạt 100%*).

-Chỉ tiêu 2.2. Tỷ lệ đường ấp và đường liên ấp được cứng hóa và bảo trì hàng năm; Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. (*chỉ tiêu đạt 100%*).

-Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. (*chỉ tiêu $\geq 90\%$*).

-Chỉ tiêu 2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. (*chỉ tiêu $\geq 70\%$, nơi nào có điều kiện thì thực hiện*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 2.1. Về đường xã liên xã được đảm bảo thông suốt có 03 tuyến chiều dài 13 km/13 km được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (*biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh ...*), đạt 100%.

-Chỉ tiêu 2.2. Đường ấp và liên ấp thực hiện đúng theo quy định đảm bảo thông suốt cho xe gắn máy, ô tô lưu thông đến từng trụ sở ấp được đầu tư xây

dựng và đưa vào sử dụng 04 tuyến với chiều dài 10,63 km/10,63 km đạt 100%, các tuyến có các hạng mục có biển báo, chỉ dẫn, cây xanh theo quy định.

+ Về biển báo: Huyện đã ban hành văn bản và xã cũng đã đề xuất, hiện đang thực hiện lắp dựng 32 biển báo tải trọng, tên cầu, tên đường, biển chỉ dẫn, với tổng kinh phí 66,2 triệu đồng.

+ Về hệ thống chiếu sáng: Đã đầu tư 12km/13km tuyến đường liên xã, đạt tỷ lệ 92,3%; tỷ lệ đường áp và đường liên ấp, đường ngõ xóm hệ thống chiếu sáng 9,7km/10,63km đạt tỷ lệ 91%, trong đó các tuyến đường có đoạn cua, cong, nguy hiểm, phức tạp về an ninh trật tự, về an toàn giao thông 800m đã hoàn thiện hệ thống chiếu sáng.

-Chỉ tiêu 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo thuận tiện quanh năm đạt 36,812km/36,812km đạt 100%; Tỷ lệ đường ngõ xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, theo quy hoạch đường ngõ, xóm 33 tuyến với tổng chiều dài 36,812km; Đến nay được đầu tư xây dựng cứng hóa đưa vào sử dụng 28 tuyến với chiều dài 33,17km/36,812km đạt 90,1%.

-Chỉ tiêu 2.4. Trên địa bàn xã không quy hoạch xây dựng đường trục chính nội đồng cứng hóa để vận chuyển hàng hoá.

c) *Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: đạt*

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và phòng chống thiên tai:

a) *Yêu cầu tiêu chí:*

-Chỉ tiêu 3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động. (*chỉ tiêu $\geq 90\%$*).

-Chỉ tiêu 3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững. (*chỉ tiêu Đạt*).

-Chỉ tiêu 3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. (*chỉ tiêu $\geq 5\%$*).

-Chỉ tiêu 3.4. Công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hằng năm. (*chỉ tiêu 100%*).

-Chỉ tiêu 3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. (*chỉ tiêu khá*).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

-Chỉ tiêu 3.1. Diện tích đất tự nhiên của xã là 3.405,96 ha, trong đó đất trồng lúa là 2.582 ha. Về hệ thống kênh rạch, xã có 21 kênh thủy lợi lớn dài 33.450m, ngoài ra còn có 27 kênh thủy lợi nội đồng dài 39,300 km. Xã có 37 khu vực nằm trong bờ bao, tất cả các kênh rạch trên đều được quan tâm nạo vét thường xuyên, vừa đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất vừa hình thành các bờ bao theo vùng để bảo vệ khi có thiên tai xảy ra qua đó đảm bảo tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã được tưới chủ động 7.108,96ha/7.341,36ha, đạt 96,80%. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp trên địa bàn xã được chủ động tưới tiêu 10.409ha/10.568 đạt 98,5%.

-Chỉ tiêu 3.2. Trên địa bàn xã có xây dựng quy hoạch bờ bao sản xuất (có kế hoạch đăng ký lộ trình nạo vét và xây dựng công đập hàng năm giai đoạn 2021-2025); xây dựng kiên cố công đập, trạm bơm điện, nạo vét công trình thủy lợi kết hợp làm bờ bao cho cánh đồng lớn (số còn lại nhân dân tự túc bơm tác bằng máy, do chưa có điện trung thế đi qua). Toàn xã được cấp trên quan tâm đã đầu tư 13 công nhỏ phục vụ bơm tát, chống lũ, ngăn mặn,...; trạm bơm điện xây dựng 16 trạm. Nhìn chung các chỉ tiêu kỹ thuật công trình đảm bảo yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu (lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn...). Các công trình công – đập, trạm bơm được đầu tư đã phát huy tác dụng giúp cho nông dân bơm tát, gieo sạ tập trung, giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận. Xã có 05 HTX nông nghiệp, trong đó có 01 HTX nông nghiệp Thuận Thành làm điểm tiêu biểu, được thành lập năm 2014, hoạt động đúng theo Luật HTX; điều hành hoạt động quản lý bơm tát, chủ động điều tiết thủy lợi trong sản xuất, được đầu tư đê bao, công đập khép kín, có hợp đồng cung ứng dịch vụ bơm tát góp phần đem lợi nhuận cao trong các khâu dịch vụ cho nông dân.

Kết quả đánh giá hoạt động hiệu quả 93 điểm, so với chuẩn 89 điểm.

-Chỉ tiêu 3.3. Cây trồng chủ lực của xã là cây lúa (theo Quyết định số 101/QĐ –UBND, ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về Ban hành danh mục sản phẩm chủ lực trên địa bàn tỉnh Kiên Giang), tính đến nay toàn xã có 05 HTX nông nghiệp, tổng diện tích sản xuất được tưới tiêu chủ động tiết kiệm nước (đông xuân, hè thu, thu đông, rau màu, cây ăn trái là 2.272/6.164 ha, chiếm 36,85% diện tích sản xuất lúa, các HTX đều áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến vào sản xuất như: 1 phải 5 giảm, 3 giảm 3 tăng, hoặc tưới ngập khô xen kẽ từ đó góp phần giảm chi phí và tăng thu nhập cho thành viên. (kèm theo biểu 2.2).

-Chỉ tiêu 3.4. Trên địa bàn xã có 27 công trình thủy lợi nhỏ với tổng chiều dài 39,300 km, hàng năm các công trình được rà soát, duy tu, nạo vét để đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Trong năm 2023, 2024 được trên đầu tư từ nguồn vốn bù thủy lệ phí nạo vét 08 tuyến kênh thủy lợi, tổng chiều dài 11,400m, đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng kinh phí thực hiện 1.200.000.000 đồng. (kèm theo biểu 2.3)

-Chỉ tiêu 3.5. Xã không có hộ sản xuất kinh doanh xả nước thải vào các công trình thủy lợi. Những hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ; các hộ sản xuất kinh doanh, chăn nuôi gia súc, gia cầm được tuyên truyền, vận động tuân thủ các quy định về môi trường không xả nước thải vào các công trình thủy lợi. (kèm theo biểu 2.4).

-Chỉ tiêu 3.6. Về các hoạt động phòng, chống thiên tai được triển khai chủ động và có hiệu quả, đáp ứng nhu cầu khi có tình huống xảy ra. Thực hiện lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Quy hoạch sử dụng đất; phát triển dân sinh - kinh tế - xã hội - môi trường; phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, đảm bảo phù hợp với quy hoạch phòng chống lũ, phòng chống thiên tai. Công tác phòng chống thiên tai được các cấp quan tâm, hàng năm xã tổ chức tổng kết công tác PCTT-TKCN và PTDS năm 2023 và kế hoạch thực hiện năm 2024. Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của xã đã được kiện toàn theo Quyết định số 193/QĐ-UBND ngày 05/7/2024

của UBND xã Bàn Tân Định về việc kiện toàn Ban chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS; Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND về việc kiện toàn Đội xung kích phòng, chống thiên tai phòng thủ dân sự xã Bàn Tân Định; Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của UBND xã về việc quy định vị trí, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của đội xung kích PCTT-TKCN xã Bàn Tân Định; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 02/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc thực hiện công tác phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước ở trẻ em năm 2024; Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 về việc kiện toàn Đội phòng tai nạn thương tích và đuối nước ở trẻ em trên địa bàn xã Bàn Tân Định. Việc phòng chống thiên tai thực hiện đúng theo phương châm 4 tại chỗ.

c) *Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt*

4. Tiêu chí số 4 về Điện:

a) *Yêu cầu tiêu chí:*

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định. (chỉ tiêu $\geq 99\%$).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hiện nay, trên địa bàn xã không có trường hợp vi phạm lưới điện. Qua kiểm kê, rà soát có 3.149/3.155 hộ, đạt tỷ lệ 99,81% đăng ký trực tiếp và sử dụng điện lưới quốc gia để sinh hoạt, sản xuất an toàn, tin cậy, ổn định.

c) *Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt*

5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục:

a) *Yêu cầu của tiêu chí:*

-Chỉ tiêu 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 1 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, (chỉ tiêu: 100%).

-Chỉ tiêu 5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, (chỉ tiêu: Đạt).

-Chỉ tiêu 5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học sơ sở mức độ 3, (chỉ tiêu: Đạt).

-Chỉ tiêu 5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, (chỉ tiêu: Đạt).

-Chỉ tiêu 5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại khá trở lên, (chỉ tiêu: Đạt).

-Chỉ tiêu 5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền, (chỉ tiêu: Đạt).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

-Chỉ tiêu 5.1. Toàn xã Bàn Tân Định có 03 đơn vị trường học các cấp gồm: 01 trường mầm non, 01 trường tiểu học, 01 trường TH&THCS, cụ thể các trường như sau:

+Trường Mầm Non Bàn Tân Định có diện tích 3012m²/243 trẻ, đạt 12,4m²/1; trường đạt chuẩn cơ sở vật chất theo Thông tư số 13/TT-BGD; giấy quyền sử dụng đất đang xác lập hồ sơ trình cấp trên cấp giấy chứng nhận.

+Trường Tiểu học Bàn Tân Định có diện tích 10,859m²/861hs, đạt 12,61m²/hs; trường đã đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; giấy quyền sử dụng đất đang xác lập hồ sơ trình cấp trên cấp giấy chứng nhận.

+Trường TH&THCS Nguyễn Văn Rỗi có diện tích 13.723m²/666hs, đạt 20,60 m²/1hs; trường đạt chuẩn cơ sở vật chất theo Thông tư số 13/TT-BGD; giấy quyền sử dụng đất đang xác lập hồ sơ trình cấp trên cấp giấy chứng nhận.

Kết quả 03/03 trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất trường đạt chuẩn cơ sở vật chất theo Thông tư số 13/TT-BGD, tỷ lệ đạt 100%, trong đó trường Tiểu học Bàn Tân Định đã đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

-Chỉ tiêu 5.2. Xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập Mầm non trẻ em 5 tuổi năm 2024, cụ thể như sau: Huy động trẻ 5 tuổi đến trường đạt 100% (102/102 trẻ); trẻ trong độ tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non đạt tỷ lệ 100% (106/106 trẻ).

-Chỉ tiêu 5.3. Năm 2024, xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS mức độ 3, cụ thể như: huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt: 100% (124/124); trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt: 92,35% (169/183); tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS: 100% (739/739); tỷ lệ thanh thiếu niên 15-18 tuổi tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc học giáo dục nghề nghiệp đạt 96,62% (714/739).

-Chỉ tiêu 5.4. Năm 2024 xã tiếp tục duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 cụ thể như: độ tuổi 15 đến 25 tuổi: 1.673/1.673 người biết chữ, đạt tỷ lệ 100%; độ tuổi 15 đến 35 tuổi: 4.021/4.029 người biết chữ, đạt tỷ lệ 99,80%; độ tuổi 15 đến 60 tuổi: 8.415/8.758 người biết chữ, đạt tỷ lệ 96,08% và được UBND huyện công nhận tại Quyết định số 8330/QĐUBND ngày 13/10/2023 của UBND huyện Giồng Riềng về việc công nhận các đơn vị xã, thị trấn duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2024.

-Chỉ tiêu 5.5. Trung tâm học tập cộng đồng xã được huyện đánh giá, xếp loại tốt năm 2023.

-Chỉ tiêu 5.6. Các trường trong xã đều có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng và sức bền cụ thể: Đối với trường Mầm non có đủ các thiết bị đồ chơi ngoài trời và các góc học tập để trẻ vận động và tạo thói quen tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, nhằm giảm nguy cơ béo phì và suy dinh dưỡng thể thấp còi và nhẹ cân, có thành lập câu lạc bộ bóng đá cho trẻ; đối với các trường phổ thông có xây dựng các khu vực như: sân cầu lông, sân đá cầu, sân bóng chuyền, bóng đá; dụng cụ ném bóng vào rổ, điền kinh, VOVINAM để học sinh rèn luyện thể lực, sức bền và tạo thói quen tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 6.3. Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới. (*chỉ 15%*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 6.1. Trên địa bàn xã được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời; Ủy ban nhân dân xã đã lắp đặt các dụng cụ thể thể thao ngoài trời được 01 điểm tại khuôn viên chợ xã.

+Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã: Diện tích: 2.500m² . Tổng nguồn vốn đầu tư: 3.000.000.000đ bằng nguồn vốn nhà nước, bao gồm các hạng mục như: 4 phòng chức năng, sân khấu ngoài trời, nhà văn hóa - thể thao đa năng, sức chứa 500 người. Ngoài ra, tại Trung tâm văn hóa xã có bố trí sân bóng đá, bóng chuyền.

Xã BTĐ có 7 ấp được xây dựng nhà văn hoá gắn liền trụ sở làm việc ấp, có diện tích xây dựng 500m², sức chứa 100 người. Tổng số 15 sân chơi thể thao, và điểm sinh hoạt văn hóa bao gồm: 6 sân cầu lông, 02 sân bóng đá Mini, 7 sân bóng chuyền, đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao ở từng ấp.

+Các Câu lạc bộ của xã được 05 câu lạc bộ: 01 Câu lạc bộ đờn ca tài tử; 01 câu lạc bộ bóng đá mini 5 người; 01 Câu lạc bộ Võ thuật; thành lập 01 đội bóng chuyền và Đội văn nghệ cấp xã. Các câu lạc bộ thành lập đều có quyết định thành lập, có Quy chế hoạt động, có danh sách các thành viên.

+Có kế hoạch của UBND xã về tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao hàng năm. Hàng năm, có tổ chức từ 06 hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao thường xuyên (có kế hoạch tổ chức kèm theo). Có bảo quản, phát huy hiệu quả hoạt động Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã; hàng ngày các vận động viên, thanh niên đều tổ chức vui chơi tại trung tâm.

-Chỉ tiêu 6.2. Trên địa bàn xã chưa phát hiện có di sản văn hóa. Tuy nhiên, những giá trị truyền thống của dân tộc nhất các lễ, hội, tết cổ truyền của dân tộc, thường xuyên giáo dục truyền thống và phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, thường xuyên tổ chức các trò chơi dân gian.

-Chỉ tiêu 6.3. Xã có 07/7 ấp đều đạt danh hiệu ấp Văn hóa đạt 100%; 15% tổng số Gia đình văn hóa được tặng Giấy khen Gia đình văn hóa 3 năm liền (2021-2023); Có 1/7 ấp được huyện tặng giấy khen thực hiện tốt phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” giai đoạn 2021-2023. Đạt 16,6%.

Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” (gọi chung là danh hiệu Khu dân cư văn hóa) thực hiện theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP. Quyết định 1786/QĐUBND ngày 08/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc ban hành quy định, tiêu chuẩn, thang điểm, quy trình xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp, khu phố văn hóa” trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

-Hàng năm có xây dựng kế hoạch phòng, chống bạo lực gia đình, có kiện toàn BCD, có thành lập nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, có ban hành quy chế thực hiện.

-Quyết định số 2537/QĐ-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng về việc công nhận quy ước ấp văn hoá xã Bàn Tân Định thuộc 07 ấp.

-Kế hoạch số 02/KH-BCĐ ngày 02/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã Bàn Tân Định về việc thực hiện công tác bình xét gia đình văn hóa năm 2023, “Gia đình văn hóa 3 năm liền” và đăng ký các danh hiệu văn hoá năm 2024.

- Báo cáo số 02/BC-BCĐ ngày 16/11/2023 của Ban chỉ đạo phong trào TĐĐKXDĐSVH xã về việc Tổng kết phong trào TĐĐKXDĐSVH năm 2023 và đề ra kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2024. *(có kèm theo bảng tổng hợp kết quả gia đình đạt gia đình văn hoá năm 2023 và kết quả đăng ký gia đình văn hoá năm 2024).*

-07/07 ấp đều có gắn bảng quy ước trước trụ sở ấp theo quy định;

-Có Quyết định công nhận ấp đạt danh hiệu ‘Áp văn hóa’ của UBND huyện năm 2021-2022-2023.

-Có Quyết định ban hành quy ước và kèm theo quy ước Thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh trong việc cưới, tang, lễ hội ở cơ quan. *(theo Thông tư số 04/2011/TT-BVHTTDL ngày 21/01/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

-Sổ biên bản họp giao ban quý I, II, III, giữa Ban chỉ đạo xã với Ban vận động các ấp; (có photo kèm theo).

-Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 02/5/2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc thực hiện công tác phòng, chống tai nạn thương tích và đuối nước ở trẻ em năm 2024;

-Quyết định số 149/QĐ-UBND ngày 22/5/2024 về việc kiện toàn Đội phòng tai nạn thương tích và đuối nước ở trẻ em trên địa bàn xã Bàn Tân Định.

c) *Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt*

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

a) *Yêu cầu tiêu chí:*

Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm hoặc cơ sở thương mại hiện đại. *(chỉ tiêu đạt).*

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

-Xã có 01 nhà lồng chợ tạo điều kiện thuận lợi cho người dân mua bán và trao đổi hàng hóa. Tổng diện tích mặt bằng 1.500m², có 37 điểm kinh doanh dịch vụ mua bán trao đổi hàng hóa, trong đó có 07 sạp mua bán cố định. Nhà lồng chợ được xây dựng kiên cố có thời gian sử dụng trên 10 năm với tổng diện tích 150m². Có bố trí bảng chợ, khu vệ sinh riêng biệt, bãi giữ xe, hệ thống điện-nước đầy đủ,...Có thành lập Ban quản lý chợ gồm 07 người, có xây dựng nội quy hoạt động và quản lý sắp xếp trật tự mua bán chợ. Khu vực chợ được chia thành các khu vực khác nhau như: hàng tươi sống, khu vực bách hóa tổng hợp, khu vực ăn uống; có bố trí sân bãi đậu xe, có chỗ nơi lên xuống hàng hóa,...

-UBND xã, Ban quản lý chợ thường xuyên chỉ đạo việc sắp xếp cho các hộ tiểu thương có chỗ nơi buôn bán ổn định đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy, không ảnh hưởng đến trật tự an toàn giao thông, tạo vẻ mỹ quan, vệ sinh môi

trường. Có hệ thống thoát nước tốt; có phương án sử dụng điện lưới quốc gia, đảm bảo nhu cầu hoạt động của chợ nông thôn.

c) *Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt*

8. Tiêu chí 8 về Thông tin và truyền thông:

a) *Yêu cầu tiêu chí:*

-Chỉ tiêu 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh. (*chỉ tiêu $\geq 80\%$*).

-Chỉ tiêu 8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...). (*chỉ tiêu đạt*).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

-Chỉ tiêu 8.1. - Về cơ sở vật chất: Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính địa phương. Diện tích đất sử dụng là 57,1m², có treo biển tên điểm phục vụ. Quyết định thành lập Bưu điện VHX đa dịch vụ, số 705/QĐ-BĐKG, ngày 08/7/2005 của Giám đốc Bưu điện tỉnh Kiên Giang.

-Có niêm yết giờ mở cửa, đóng cửa và các thông tin về dịch vụ bưu điện văn hóa xã cung ứng tại điểm phục vụ. Thời gian phục vụ 8 giờ/ngày (sáng từ 7h – 11h; chiều từ 13h – 17h).

-Bán tem, phong bì;

-Nhận, gửi bưu phẩm trong nước và quốc tế.

-Có dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02kg.

-Có dịch vụ gửi, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg.

-Điểm bưu điện văn hóa xã có đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, hiện bưu điện văn hóa xã có 01 dàn máy vi tính, 01 máy scan, để phục vụ dịch vụ công trực tuyến.

-Chỉ tiêu 8.2: Xã có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng số dân của xã: 10.376/12.880, đạt 80,55%. (*Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo*)

-Chỉ tiêu 8.3:

a) Đối với hệ thống loa truyền thanh

-Xã có 7 ấp. Số ấp có cụm loa truyền thanh hoạt động thường xuyên là 7/7 ấp, chiếm/đạt 100% ấp trên địa bàn xã.

Trong đó có 26 cụm loa có dây/không dây/ứng dụng công nghệ thông tin và viễn thông.

-Tình hình hoạt động: (*Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo*).

-Số nhân sự phụ trách cụm loa ấp: có 01 người.

-Tần suất tiếp sóng, phát lại các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh - Truyền hình Kiên Giang, Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện: Phát thanh mỗi ngày 03 buổi; buổi sáng từ 05 giờ đến 06 giờ 00 phút; buổi trưa từ 11 giờ đến 12 giờ 00 phút; buổi chiều và tối từ 17 giờ 30 phút đến 18 giờ 30 phút. Tổng thời gian phát thanh trong ngày là 180 phút.

-Số lượng chương trình phát thanh tự sản xuất: 356 chương trình thời sự địa phương, thời lượng 30 phút/chương trình.

-Nội dung tuyên truyền trọng tâm qua hệ thống loa truyền thanh: Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Tuyên truyền sự chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương; Tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến; Phổ biến kiến thức khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội...

b) Đối với việc xem được truyền hình.

Xã có 7/7 ấp có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet (*Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo*).

c) Đối với điểm cung cấp xuất bản phẩm

Xã có 15 điểm cung cấp xuất bản phẩm, hình thức là hiệu sách/đại lý/điểm cung cấp xuất bản phẩm/tủ sách công cộng. (*Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo*).

-Chỉ tiêu 8.4. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết TTHC của xã tối thiểu 70%. Tính từ ngày **01/01/2024 đến ngày 11/10/2024** UBND xã tiếp nhận và giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tổng số là 1070 hồ sơ, hồ sơ trực tuyến là 896 (có 174 hồ sơ trực tiếp) đúng hạn 1067 hồ sơ, trễ hạn 0 hồ sơ. Hủy 3 hồ sơ. Kết quả tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng hồ sơ giải quyết TTHC của xã là 1067/1070 đạt 99,71%.

-Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin xã Bàn Tân Định: đạt 100% (*Chi tiết tại Biểu 05 kèm theo*)

-Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản/tổng số dân trong độ tuổi lao động của xã: **10.376/12.880** đạt 80,55%.

-Tỷ lệ sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: xã được 01 sản phẩm OCOP vót dừa tre được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: <http://nongsankiang.com.vn> (*Chi tiết tại Biểu 06 kèm theo*)

-Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: Xã có **12.880/12.880** hộ gia đình, cơ quan trên địa bàn xã được thu thập dữ liệu để thực hiện gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ đạt 100%.

-Chỉ tiêu 8.5. Xã có 10 điểm cung cấp dịch vụ wifi miễn phí trên địa bàn xã. (*Chi tiết tại Biểu 07 kèm theo*).

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**

9. Tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư:

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố. (*chỉ tiêu $\geq 85\%$*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn xã Bàn Tân Định toàn xã có 3.058/3.155 hộ có nhà đạt tiêu chuẩn 3 cứng, đạt tỷ lệ 97%. Nhà chưa đạt theo yêu cầu 3 cứng (đạt 2 cứng) là 97 hộ, chiếm tỷ lệ 3,1%. Tuy nhiên, kết cấu nhà ở vẫn đảm bảo an toàn chịu lực cho người sử dụng, niên hạn sử dụng trên 5 năm và đảm bảo vệ mỹ quan, kiến trúc phù hợp theo quy định và theo quy hoạch.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:

a) Yêu cầu tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm). (chỉ tiêu năm 2024 là 72 triệu đồng).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Thu nhập bình quân đầu người xã đạt 72.250.000 đồng/người/năm (kèm theo Công văn số 271/CTK-TKXH ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Cục Thống kê tỉnh Kiên Giang về việc xác nhận kết quả khảo sát của xã về thu nhập trên địa bàn xã).

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều:

a) Yêu cầu tiêu chí:

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025. (chỉ tiêu $\leq 2,5\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Công tác giảm nghèo được các cấp, các ngành từ huyện đến xã phối hợp tổ chức thực hiện, kết hợp lồng ghép nhiều chương trình của các ngành, đoàn thể như: hỗ trợ nhà ở, hỗ trợ vật tư sản xuất cho hộ nghèo, cận nghèo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, vay vốn, tổ chức các lớp hỗ trợ kỹ thuật khuyến nông, áp dụng khoa học vào sản xuất và nuôi trồng thủy sản,...

Theo Hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 757/QĐ-LĐTBXH quy định tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (Chuẩn đạt $\leq 2,5\%$).

Qua kết quả kiểm tra bình xét hộ nghèo năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo đa chiều còn 35 hộ, trong đó có 24 hộ không có khả năng lao động, như vậy hộ nghèo còn 11 hộ/3.131 hộ chiếm tỷ lệ 0,35%, hộ cận nghèo 105 hộ, trong đó có 56 hộ không có khả năng lao động, như vậy hộ cận nghèo đa chiều còn 49/3.099 chiếm tỷ lệ 1,58%. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều đến tháng 10/2023 của xã là 1,93%. Như vậy tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã là: $0,35 + 1,58 = 1,93\% \leq 2,5\%$.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

12. Tiêu chí số 12 về Lao động:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). (chỉ tiêu $\geq 75\%$).

-Chỉ tiêu 12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). (chỉ tiêu $\geq 30\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 12.1: Lực lượng lao động xã là 8.790 người, số lao động qua đào tạo của xã là 6.728 người.

Theo Hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 757/QĐ-LĐTBXH, tỷ lệ lao động qua đào tạo (*chuẩn đạt $\geq 75\%$*).

Tỷ lệ lao động qua đào tạo của xã = $(6.728/8.790 \times 100\%) = 76,54\%$

-Chỉ tiêu 12.2: Lực lượng lao động xã là 8.790 người, số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ của xã là 2.768 người.

Theo Hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Quyết định số 757/QĐ-LĐTBXH, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (*chuẩn đạt $\geq 30\%$*).

Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ của xã = $(2.768/8.790 \times 100\%) = 31,5\%$.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:

a) *Yêu cầu tiêu chí:*

-Chỉ tiêu 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định. (*chỉ tiêu ≥ 1*).

-Chỉ tiêu 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm. (*chỉ tiêu ≥ 1*).

-Chỉ tiêu 13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã. (*chỉ tiêu Đạt*).

-Chỉ tiêu 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử. (*chỉ tiêu ≥ 10*).

-Chỉ tiêu 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng. (*chỉ tiêu Đạt*).

-Chỉ tiêu 13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội (nơi nào có điều kiện thì thực hiện). (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường). (*chỉ tiêu Đạt*).

b) *Kết quả thực hiện tiêu chí:*

- Chỉ tiêu 13.1. Toàn xã có 05 HTX nông nghiệp với diện tích 908,68 ha, 691 thành viên, tổng vốn điều lệ 622,762 triệu đồng, giải quyết việc làm cho hơn 1.036 lao động thường xuyên và theo thời vụ. Hầu hết các HTX nông nghiệp đều quản lý được 03 khâu cơ bản là bơm tát tập thể gắn với quản lý lịch thời vụ và liên kết bao tiêu sản phẩm lúa hàng hóa. Điển hình HTX Thuận Thành hoạt động theo Luật Hợp tác xã, đã triển khai thực hiện ký kết hợp đồng với Công ty thương mại KG – Xí nghiệp chế biến gạo Xuất khẩu Giồng Riềng từ năm 2021 đến nay. Các HTX đều xây dựng được kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hàng vụ, chia

lãi công khai và thông qua hội nghị thành viên; có ý thức chăm lo cho thành viên; cá nhân từng thành viên trong Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm cao... đã góp phần động viên, thúc đẩy phong trào kinh tế hợp tác xã nhà phát triển.

-Chi tiêu 13.2. Hiện nay trên địa bàn xã có 01 sản phẩm đạt OCOP 3 sao, đó là sản phẩm Đũa tre Tràm Chẹt được UBND huyện Giồng Riềng công nhận tại Quyết định số 10077/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND huyện Giồng Riềng, Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện thuộc chương trình mỗi xã một sản phẩm huyện Giồng Riềng đợt 1 năm 2023.

-Chi tiêu 13.3. Xã Bàn Tân Định có mô hình Cánh đồng lớn ứng dụng công nghệ cao được Trung tâm Khuyến nông đầu tư hỗ trợ 50 ha mô hình cánh đồng lớn trên lúa vụ Đông xuân 2023 - 2024 và 100% hệ thống quan sát sâu rầy thông minh, tủ điều khiển thông minh và cảm biến ngập khô xen kẽ với tổng giá trị hỗ trợ là 368 triệu đồng. Đây là mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao giúp cảnh báo sâu rầy, dễ dàng theo dõi, giám sát tình trạng của trạm bơm từ xa trên điện thoại. Ngoài ra trên địa bàn xã có mô hình trồng mít thái – sầu riêng sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước điều khiển từ xa qua điện thoại thông minh với quy mô 7,65 ha.

-Chi tiêu 13.4. Xã có thực hiện về “Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã”. Đến nay, số lượng Mã số vùng trồng được cấp trên địa bàn là 9 mã số với tổng diện tích là 270,77 ha, có 142 hộ tham gia. Trong đó:

+Số lượng mã số nội bộ do Chi cục Trồng trọt và BVTV tỉnh cấp là 08 mã: RD.KR0R-0165, RD.KGOR-0168, RD.KGOR-0169, RD.KGOR-0166, RD.KGOR-0167, RD.KGOR-0170, RD.KGOR-0496 VÀ RD.KOR-0497; hàng năm sản lượng lúa gạo đưa ra thị trường tiêu thụ khoảng 1.840 tấn (Kèm theo Thông báo số 506/TB-CCTTBVTV ngày 31/8/2023 và thông báo số 685/TB-CCTTBVTV ngày 30/9/2024 của Chi cục trồng trọt & BVTV)

+Số lượng mã số xuất khẩu sang thị trường Châu Âu do Cục Bảo vệ thực vật cấp 01 mã VN-KGOR-0068LUA-EU, sản lượng lúa gạo hàng năm khoảng 800 tấn đưa ra thị trường tiêu thụ tại HTX Tân Tiến, HTX được cấp tài khoản điện tử, có mã QR để truy xuất nguồn gốc. Các nội dung trong báo cáo đều có hồ sơ minh chứng đầy đủ.

-Chi tiêu 13.5. Xác định sản phẩm chủ lực của xã Bàn Tân Định là cây lúa; toàn xã có 1.797 hộ sản xuất lúa với diện tích 2.582,18 ha, sản xuất lúa 2-3 vụ/năm. Hiện nay việc tiêu thụ lúa trong nông dân chủ yếu qua thương lái, rất ít ký hợp đồng tiêu thụ với doanh nghiệp hoặc HTX, THT hợp đồng bao tiêu. Ngoài ra nông dân chủ yếu mua bán lúa qua nhiều kênh thông tin thương mại như: Internet, Zalo, Facebook; Theo thống kê năm 2024 trên địa bàn xã có 270 hộ nông dân bán lúa qua trên các kênh thương mại điện tử, trong đó kênh Zalo là 156 hộ, facebook là 114 hộ, với diện tích cả năm 741,21 ha/7.012,37 ha, sản lượng hàng năm 4.593,4 tấn/43.483,95 tấn, chiếm 10,74%.

Ngoài ra, xã còn có 01 sản phẩm OCOP Đũa tre được bán trên sàn thương mại điện tử như: <http://nongsankiang.com.vn> hoặc các trang mạng xã hội như Zalo, facebook để đăng bài, quảng bá và bán sản phẩm.

-Chỉ tiêu 13.6. Xã xây dựng vùng nguyên liệu chủ yếu (chủ lực là cây lúa) gắn với xây dựng mã số vùng trồng đến nay đạt được 09 mã số còn hiệu lực sử dụng, trong đó có 01 mã số xuất khẩu và 08 mã số nội bộ. Các mã số gồm: VN-KGOR-0068LUA-EU (kèm theo công văn số 2886/BVTV-HTQT ngày 14/9/2022 của Cục BVTV), RD.KR0R-0165, RD.KGOR-0166, RD.KGOR-0167, RD.KGOR-0168, RD.KGOR-0169, RD.KGOR-0170, RD.KGOR-0496 VÀ RD.KOR-0497 (kèm theo Thông báo số 506/TB-CCTTBVTV ngày 31/8/2023 và thông báo số 685/TB-CCTTBVTV ngày 30/9/2024 của Chi cục trồng trọt & BVTV). Bên cạnh đó, công tác giám sát vùng trồng cũng được thực hiện định kỳ thường xuyên (2 lượt), đảm bảo việc tuân thủ các quy định của nước nhập khẩu. Vùng trồng có số lượng 23 thành viên được cấp Giấy chứng nhận về tham gia tập huấn cấp và quản lý mã số vùng trồng, là cơ sở để địa phương chủ động quy hoạch và phát triển số lượng mã số vùng trồng trong thời gian tới. Các nội dung trong báo cáo đều có hồ sơ minh chứng đầy đủ.

-Chỉ tiêu 13.7. Xã Bàn Tân Định không có địa điểm du lịch nên chưa xây dựng các website quảng bá du lịch của xã. Hiện nay UBND xã đã được Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh lập trang thông tin điện tử (*địa chỉ: <https://bantandinh-gr.kiangiang.gov.vn/Trang/trangchu.aspx>*). Trong thời gian tới, Phòng Văn hóa và Thông tin huyện phối hợp với UBND xã Bàn Tân Định tiếp tục tăng cường xây dựng các tin bài, chuyên mục và phối hợp các cơ quan, đơn vị để giới thiệu, quảng bá tiềm năng du lịch của xã Bàn Tân Định.

-Chỉ tiêu 13.8. Xã có mô hình trồng cây ăn trái (mít, sầu riêng) áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật kết hợp nuôi bò, ủ phân hữu cơ từ phụ phẩm nông nghiệp để bón gốc cây ăn trái tại hộ ông Huỳnh Thanh Cần ấp Năm Chiến với quy mô 1 ha. Mô hình sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm nước giúp góp phần giảm lao động, tận dụng chất thải gia súc, sau đó xử lý để làm phân bón cho cây trồng. Mô hình tận dụng nguồn phân hữu cơ hiện có, giảm thiểu tác động gây ô nhiễm môi trường, đem lại hiệu quả kinh tế cho nông dân.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

14. Tiêu chí số 14 về Y Tế:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ). (*chỉ tiêu $\geq 95\%$*).

-Chỉ tiêu 14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử. (*chỉ tiêu đạt*);

-Chỉ tiêu 14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa (chỉ tiêu đạt);

-Chỉ tiêu 14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử. (*chỉ tiêu đạt*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 14.1. Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế toàn xã 12.479/12.838 đạt 97,20%.

-Chỉ tiêu 14.2. Việc quản lý dân số được quản lý sức khỏe qua hệ thống và số khám bệnh được cấp, hiện nay Trung tâm y tế huyện, Trạm y tế xã và UBND xã, các ban ngành đoàn thể cấp xã và Ban lãnh đạo ấp cùng phối hợp với Trung tâm viễn thông VNPT tiến hành triển khai tuyên truyền và hướng dẫn cho người dân cài đặt ứng dụng phần mềm Vncare quản lý sức khỏe qua hệ thống, thông qua điện thoại thông minh. Đến nay tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe được 2.696/12.880 người đạt 20,9%.

-Chỉ tiêu 14.3. Trong năm 2024 UBND xã đã ra quân tuyên truyền và hướng dẫn cho người dân cài đặt ứng dụng phần mềm Vncare quản lý sức khỏe qua hệ thống, thông qua điện thoại thông minh, tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa có 5.308/12.880 người cài đặt quản lý sức khỏe đạt 41,21%.

-Chỉ tiêu 14.4. Dân số trên địa bàn xã có số khám chữa bệnh điện tử, dựa trên tỷ lệ người dân cài đặt phần mềm quản lý sức khỏe Vncare và tham gia, sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa có 9.049/12.880 người cài đặt quản lý sức khỏe điện tử đạt 70,25%.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

-Tiêu chí số 15 về Hành chính công:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp. (*chỉ tiêu đạt*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 15.1. Hiện nay ở cơ quan xã có 32 bộ máy vi tính được đặt ở phòng làm việc của cán bộ, công chức, viên chức xã, được kết nối Internet, trong đó có 02 máy có hệ thống thư điện tử, 04 máy được cài đặt ứng dụng CNTT trong giải quyết thủ tục hành chính (04 máy bố trí bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;) 02 máy scan.

-Chỉ tiêu 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

Đến nay UBND xã tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính (*tính đến ngày 14/10/2024*) được 1.067 thủ tục hành chính, trong này có 896 hồ sơ trực tuyến, 171 hồ sơ trực tiếp, chiếm tỷ lệ 83,97%.

-Chỉ tiêu 15.3. Có 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã được công khai và được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Trong 1.067 thủ tục hành chính, đã giải quyết trước hạn 1.067 hồ sơ đạt 100%, trong đó lĩnh vực đất đai 05 hồ sơ, Hộ tịch 695 hồ sơ, chứng thực 367 hồ sơ. Tỷ lệ số hóa hồ sơ 665/1.112 hồ sơ chiếm tỷ lệ 59,80%.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt.

16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở. (*chỉ tiêu đạt*).

-Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành. (*chỉ tiêu $\geq 90\%$*).

-Chỉ tiêu 16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu. (*chỉ tiêu $\geq 90\%$*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 16.1. Xã có huy động nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật: Cơ sở kinh doanh vật tư Nông nghiệp Nguyễn Lòng, địa chỉ ấp Sở Tại, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang với số tiền 3.000.000 đồng (Thư ngỏ, Thông báo hỗ trợ của Doanh nghiệp, Biên nhận).

Cơ sở kinh doanh vật liệu Xây dựng Trường An, địa chỉ ấp Sở Tại, xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang với số tiền 5.000.000 đồng (Thư ngỏ, Thông báo hỗ trợ của Doanh nghiệp, Biên nhận). Tổng cộng Doanh nghiệp hỗ trợ 8.000.000 đồng

-UBND xã ban hành Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 22/02/2023 của UBND xã Bàn Tân Định về phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải cơ sở, xây dựng xã đạt chuẩn Tiếp cận Pháp luật năm 2024; Nhằm huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho Đại biểu HĐND xã Bàn Tân Định, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã, lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể cấp xã và ấp.

Trong năm 2023 có giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, đã có thành tích xuất sắc đột xuất trong hoạt động mô hình phổ biến giáo dục pháp luật có hiệu quả năm 2023. Mô hình “Câu lạc bộ Phật tử chùa Tràm Chệt không tham gia các tệ nạn xã hội”, Tổ hòa giải có thành tích tốt trong thực hiện mô hình “Mô hình Tổ hòa giải 3 tốt” của ấp Trần Văn Nghĩa xã Bàn Tân Định, (Kèm giấy khen)

-Chỉ tiêu 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành đạt từ 90% trở lên: Thực hiện từ đầu năm 2024 đến nay UBND xã Bàn Tân Định có 7 Tổ hòa giải thụ lý: Năm 2024 nhận 36 đơn hòa giải thành 35 đơn đạt 97,2%;

Hàng năm UBND xã có lập dự toán bổ sung kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở của xã, trong năm trên cơ sở dự toán đã hỗ trợ 100% tổ hòa giải của xã được hỗ trợ kinh phí triển khai hoạt động của tổ hòa giải và thù lao cho hòa giải viên đúng quy định pháp luật hòa giải ở cơ sở. Xã Bàn Tân Định có 7 Tổ hòa giải (Năm 2024 đã chi cho tổ hòa giải 1.000.000 đồng /7 tổ / tháng . Từ tháng 1 đến tháng 12/2024) được hỗ trợ tiền thù lao cho hòa giải (36 vụ) là 14.300.000 đồng.

-Chỉ tiêu 16.3. Phòng Tư pháp phối hợp với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang, Trung tâm Trợ giúp pháp lý tổng hợp thông tin tổng số người dân xã Bàn Tân Định thuộc đối tượng được TGPL là: 5879 (theo Báo cáo số 29/BC-TTTGPL ngày 17/6/2024 của Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang).

UBND xã phối hợp với, Phòng Tư pháp, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang trợ giúp pháp lý trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025. Nội dung yêu cầu của tiêu chí: có tổ chức phối hợp Phòng

tư pháp, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang tổ chức trợ giúp pháp lý trên địa bàn xã được 01 lớp có 69 người dự (biên bản, thơ mời, tài liệu).

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 17.1 Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường. (chỉ tiêu Đạt).

-Chỉ tiêu 17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. (chỉ tiêu 100%).

-Chỉ tiêu 17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định. (chỉ tiêu $\geq 95\%$).

-Chỉ tiêu 17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả. (chỉ tiêu $\geq 35\%$).

-Chỉ tiêu 17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. (chỉ tiêu $\geq 50\%$).

-Chỉ tiêu 17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. (chỉ tiêu 100%).

-Chỉ tiêu 17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường. (chỉ tiêu $\geq 80\%$).

-Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường. (chỉ tiêu $\geq 85\%$).

-Chỉ tiêu 17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch. (chỉ tiêu đạt).

-Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng. (chỉ tiêu 10%, nơi có điều kiện thì thực hiện).

-Chỉ tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4m^2/\text{người}$

-Chỉ tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. (chỉ tiêu $\geq 70\%$).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 17.1: Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường (Đạt)

Qua rà soát, thống kê trên địa bàn xã Bàn Tân Định không có quy hoạch khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản, chủ yếu các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, buôn bán quy mô nhỏ lẻ, không tập trung thành khu.

-Chỉ tiêu 17.2: Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường (đạt 100%)

Kết quả trên địa bàn xã có 23 cơ sở thuộc đối tượng lập thủ tục đăng ký cam kết bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường đều đăng ký cam kết bảo vệ môi trường hoặc kế hoạch môi trường theo quy định và được UBND huyện xác nhận, đạt 100%. Biện pháp xử lý chất thải phát sinh đều được thực hiện đúng

các nội dung cam kết bảo vệ môi trường như chất thải thông thường thu gom bán phế liệu, chất thải nguy hại lưu giữ kho chứa trả về công ty cung cấp hoặc thu đơn vị có chức năng xử lý.

Trên địa bàn xã Bàn Tân Định nuôi trồng thủy sản chủ yếu nhỏ lẻ như nuôi cá trên ruộng lúa, nuôi vèo tập trung chủ yếu vào mùa nước lũ, đều đảm bảo vệ sinh môi trường, chủ yếu tận dụng thức ăn mùa lũ, ít sử dụng thức ăn công nghiệp, không sử dụng thuốc thú y, thủy sản hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép. Trên địa bàn xã Bàn Tân Định không có “Làng nghề” hoạt động.

Thời gian qua, trên địa bàn xã chưa có đơn tố cáo liên quan đến quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng sức khỏe người dân, chưa có cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

(Kèm theo phụ lục 1. Bảng thống kê các cơ sở sản xuất kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng)

-Chi tiêu 17.3: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định (đạt $\geq 95\%$)

** Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại:*

Xã Bàn Tân Định được huyện quy hoạch, đầu tư xây dựng bãi thu gom rác tập trung của huyện Giồng Riềng đang hoạt động với diện tích 4.495,0ha nhằm xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn xã Bàn Tân Định và trung tâm huyện Giồng Riềng. Còn đối với những nơi chưa tổ chức thu gom thì xã tuyên truyền, hướng dẫn, vận động mỗi hộ gia đình tự xây dựng hố rác, thùng phi làm lò đốt rác để xử lý rác của từng hộ, tuyệt đối không vứt ra khu vực công cộng, ao hồ, sông rạch.

Toàn xã, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại phát sinh khoảng 5.135,2kg/ngày. Hiện tại trên địa bàn xã có 01 xe thu gom và có bãi rác tập trung; bố trí 250 thùng đựng rác chuyên dùng. Lượng rác thải phát sinh được UBND xã phối hợp với UBMTTQ Việt Nam, phụ nữ, các đoàn thể xã vận động nhân dân xây dựng hố rác gia đình, đào hố xử lý rác. Hiện tại trên địa bàn xã có 1.045/3.155 hộ được hợp đồng thu gom rác, chiếm 33,12%; có 1.959/3.155 hộ xây dựng lò đốt rác và hố chôn lấp để xử lý rác, chiếm 62,09%, có 151/3.155 hộ tự thu gom hoặc bỏ phía sau nhà để đốt, chiếm 4,78%. Việc xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã đạt 95,21% (3.004/3.155 hộ).

** Đối với chất thải nông nghiệp:* phụ phẩm phát sinh trong nông nghiệp đã được các hộ gia đình thu gom tận dụng làm chất đốt, thức ăn gia súc, sản xuất nấm, màng phủ sản xuất hoa màu, phần còn lại vận động hộ dân xây dựng hố rác gia đình để thu gom, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

(Kèm theo phụ lục 3. Thống kê số hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng và Bảng thống kê khối lượng CTR sinh hoạt được thu gom xử lý trên địa bàn xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng)

-Chi tiêu 17.4 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (đạt $\geq 35\%$)

Để đạt được tiêu chí trên, UBND xã đã chỉ đạo các ngành, đoàn thể xã, Ban lãnh đạo các ấp tập trung tuyên truyền đến cán bộ đảng viên, công chức, viên

chức, đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân về các biện pháp thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của hộ gia đình được 02 cuộc, có 850 lượt người tham dự. Đối với người đứng đầu cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên phải gương mẫu đi đầu trong thực hiện các tiêu chí trong xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao. Tính đến nay, qua rà soát, thống kê trên địa bàn xã có 1.121/3.155 hộ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả (*như ao lắng, hoặc các ao nuôi cá nhỏ phục vụ gia đình, xử lý với trước khi thải ra sông rạch*) đạt 35,5% và tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt vệ sinh, nhà tiêu an toàn vệ sinh đảm bảo 3 sạch có 2.994/3.155 hộ đạt 94,89%. UBND xã có kiểm tra vận động và người dân cam kết tháo dỡ số nhà tắm chưa đảm bảo vệ sinh, thiếu mỹ quan, xã có quy ước trong khu dân cư và thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường.

(Kèm theo phụ lục 5. Thống kê hộ gia đình thực hiện và chưa thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả trên địa bàn xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng)

-Chi tiêu 17.5 Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn (đạt $\geq 50\%$)

UBND xã có xây dựng kế hoạch phân loại rác tại nguồn, qua đó xã đã tổ chức triển khai, tuyên truyền được 07 cuộc, có 1.150 lượt người tham dự. UBND xã chỉ đạo đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã, cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên phải thực hiện phân loại rác thải tại nguồn đạt 100%. UBND xã phân công các thành viên trong BCD nông thôn mới của xã phụ trách từng ấp, tổ nhân dân tự quản trong việc tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Đối với rác thải hữu cơ tận dụng làm thức ăn cho cá, gia súc, gia cầm, làm phân bón; còn đối với rác thải vô cơ có khả năng tái sử dụng được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; còn đối với rác thải vô cơ khó phân hủy được thu gom xử lý chôn lấp, đốt tại từng hộ gia đình hoặc được vận chuyển đến các bãi tập kết của các xã. Hiện nay trên địa bàn xã có 1.695/3.155 hộ có phân loại rác thải tại nguồn, đạt 53,72%.

(Kèm theo phụ lục 3. Thống kê hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng)

-Chi tiêu 17.6 Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường (Đạt 100%).

+*Đối với CTR y tế*: rác thải y tế thông thường, rác thải y tế nguy hại được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định. Hiện tại xã thống kê khối lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh khoảng 35kg/tháng được thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường; còn đối với chất thải y tế nguy hại phát sinh khoảng 4,8kg/tháng (được xử lý tại lò đốt rác thải y tế của huyện), đạt 100%, đảm bảo theo qui định tại Thông tư Liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Liên Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý chất thải y tế.

+*Đối với bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng*: Xã Bàn Tân Định có tổng diện tích đất sản xuất trồng lúa và hoa màu là 2.582 ha/3.405,96 ha diện tích

tự nhiên. Hiện tại, trên địa bàn xã có 37 điểm thu gom bao bì, chai lọ hóa chất BVTV sau sử dụng. UBND xã phối hợp với UBMT Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể xã tổ chức tuyên truyền nhân dân về tác hại của dư lượng, phế phẩm, bao bì sau sử dụng của thuốc BVTV; vận động nhân dân sau khi phun hóa chất BVTV phải thu gom bao, gói thuốc BVTV bỏ vào các điểm thu gom hoặc đối với những nơi chưa xây dựng được điểm thu gom hộ gia đình thu gom vào bao để kín đáo trong vườn nhà hoặc trong kho không vứt trực tiếp ra đồng ruộng gây ô nhiễm môi trường. Phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trạm BVTV thu gom và xử lý. Việc thu gom, vận chuyển, xử lý bao, gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn xã còn ở mức thấp. Trung bình, hàng năm khối lượng bao bì, chai lọ thuốc BVTV được thu gom, xử lý khoảng 1.291,1kg/năm, đạt 100%. Hiện nay xã đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TPHCM để thu gom, vận chuyển và xử lý.

+*Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt*: Chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt như: bình xịt côn trùng, bóng đèn huỳnh quang, pin tiêu, pin ắc quy, sơn, thiết bị điện tử... xã đã rà soát, thống kê khối lượng phát sinh khoảng 1.552,5kg/năm. UBND xã đã bố trí được điểm tập kết, điểm lưu chứa và tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

(Kèm theo phụ lục 4. Thống kê khối lượng CTR nguy hại phát sinh trên địa bàn xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng)

-Chi tiêu 17.7. Hiện xã chủ yếu sản xuất nông nghiệp với tổng diện tích 2.582 ha; trong sản xuất nông nghiệp tạo ra sinh khối phụ phẩm lớn đó là trồng lúa, phụ phẩm nông nghiệp chủ yếu là rơm, rạ. Diện tích sản xuất lúa của xã hàng năm là 6.164 ha (bao gồm vụ Hè Thu, Đông Xuân và Thu đông), lượng rơm rạ phát sinh hàng năm khoảng 30.986 tấn/năm (*Đính kèm phụ lục thống kê diện tích sản xuất lúa, lượng rơm rạ từng áp, tỷ lệ khối lượng phụ phẩm được thu gom, tái sử dụng*) được sử dụng và xử lý như sau:

+*Sử dụng trực tiếp*: Bán cho thương lái đem đi nơi khác (*trồng nấm rơm, phủ luống cho cây trồng, thức ăn gia súc, ...*) với khối lượng 9.296 tấn/năm (chiếm 30%) (*Đính kèm Hợp đồng, thanh lý hợp đồng, biên bản giao nhận của Hợp tác xã và doanh nghiệp thu mua*); làm nguyên liệu trồng nấm rơm với khối lượng khoảng 3.408 tấn/năm, chiếm 11% (*Theo sổ tay hướng dẫn quản lý rơm rạ theo hướng nông nghiệp tuần hoàn và phát thải thấp ở Đồng bằng sông Cửu Long*); ủ phân hữu cơ phủ luống rau màu khoảng 2.944 tấn, chiếm 9,5%; làm thức ăn cho chăn nuôi gia súc (trâu, bò) khối lượng 2.788,8 tấn/năm, chiếm 9%.

+*Xử lý phụ phẩm cây trồng*: Sử dụng phụ phẩm sau khi trồng nấm rơm với khối lượng khoảng 3.099 tấn/năm được người dân tận dụng làm phân hữu cơ trồng hoa kiểng dịp Tết Nguyên đán (*khoảng 1.000 tấn/năm*), trồng rau màu (*khoảng 1.066 tấn/năm*) và cây ăn trái (*khoảng 1.033 tấn, theo sổ tay hướng dẫn quản lý rơm rạ theo hướng nông nghiệp tuần hoàn và phát thải thấp ở Đồng bằng sông Cửu Long*).

Lượng phụ phẩm còn lại khoảng 3.436 tấn/năm (chiếm 11,08%) được nông dân cày vùi ngay trên ruộng hoặc kết hợp xử lý *Trichoderma* để góp phần cải tạo đất, tạo sức đề kháng cho cây trồng và thân thiện với môi trường.

-Chỉ tiêu 17.8. Trên địa bàn xã Bàn Tân Định toàn xã có 07 ấp, người dân sinh sống chủ yếu bằng nghề khai thác và nuôi trồng thủy sản, kinh doanh dịch vụ. Chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn xã chủ yếu theo quy mô hộ gia đình (dưới 10 Đơn vị vật nuôi), phân tán, nhỏ lẻ. Tuy nhiên có 133 hộ chăn nuôi nằm rải rác trên địa bàn các ấp. UBND xã phối hợp ngành chuyên môn hướng dẫn các hộ chăn nuôi phải thực hiện các biện pháp kỹ thuật để xử lý các nguồn chất thải, khí thải trước khi xả thải ra môi trường. Cụ thể có 115/133 hộ áp dụng các biện pháp xử lý chất thải đạt 86,46%.

Bên cạnh đó UBND xã thường xuyên rà soát, nhắc nhở các hộ chăn nuôi trên địa bàn xã phải thực hiện đúng theo các yêu cầu của quy định pháp luật như: Xây dựng chuồng trại chăn nuôi phải đảm bảo khoảng cách, tách riêng nơi sinh hoạt và nhà ở, khu dân cư theo quy định; định kỳ phun xịt hóa chất, vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi theo hướng dẫn của Ngành chuyên môn; Các hộ chăn nuôi thực hiện việc kê khai hoạt động chăn nuôi theo quy định của pháp luật, chăn nuôi heo hướng an toàn sinh học,...Chuồng nuôi tách biệt với nhà ở, có lối đi riêng, các hộ chăn nuôi thực hiện các biện pháp vệ sinh tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh.

Trên địa bàn xã có nhà yếm là 06 nhà, diện tích sàn 6.500 m², có kê khai hoạt động chăn nuôi với chính quyền địa phương đúng theo quy định, đảm bảo theo Điều 25, Nghị định 13/2020/NĐ-CP ngày 21/11/2020 của Chính phủ, Hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Chăn nuôi. Trong đó cả 06 nhà yếm đều xây dựng trước khi Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 05/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì 02 nhà yếm này không phát âm thanh dẫn dụ và theo Nghị định đối với các nhà yếm đã hoạt động trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

-Chỉ tiêu 17.9. Bàn Tân Định được quy hoạch xây dựng hệ thống nghĩa trang được phê duyệt tại Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 18/02/2013, của UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Ngoài ra xã có 01 nghĩa địa tại ấp Năm Chiến diện tích là 1.101 m², có 01 nghĩa trang tại Giáo Xứ Tân Bình diện tích 4.024 m² và 01 lò hỏa táng ở chùa Champacheay Tràm Chệt; Các nghĩa trang và cơ sở hỏa táng đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch; Hiện tại việc mai táng của người dân theo phong tục tập quán nhưng vẫn đảm bảo vệ sinh môi trường, theo quy định của Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Hiện tại trên địa bàn xã chưa có cơ sở hỏa táng tập chung, nhưng việc hỏa táng của người tại địa phương được thực hiện tại các chùa Khmer, vẫn đảm bảo về vệ sinh môi trường theo quy định

-Chỉ tiêu 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 10\%$) nơi có điều kiện thì thực hiện

UBND xã đã tuyên truyền, vận động người dân thực hiện hình thức hỏa táng. Tuy nhiên việc an táng người chết được thực hiện phần lớn là chôn cất trên diện

tích của gia đình phù hợp với tín ngưỡng, phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa của địa phương, nếp sống văn minh và đảm bảo vệ sinh môi trường.

-Chi tiêu 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ($2\text{m}^2/\text{người}$). Xã Bàn Tân Định có 12.880 khẩu với 3.155 hộ, tổng số cây xanh 6.229 cây nằm rải đều dọc theo các tuyến đường liên xã, ven sông, bờ kênh thuộc địa bàn 07 ấp trong xã là cây bản địa có khả năng chống chịu, sinh trưởng, phát triển tốt, có tác dụng che phủ, kinh tế như: Tràm, xà cừ, cây sao, dầu, các loại cây ăn trái lâu năm (xoài, vú sữa, dứa,...) với độ che phủ chiếm $4,36\text{ m}^2/\text{người}$.

-Chi tiêu 17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định (đạt $\geq 70\%$)

UBND xã có xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện Đề án “Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phòng, chống rác thải nhựa giai đoạn 2021 - 2025” trên địa bàn xã, qua đó xã đã tổ chức triển khai, tuyên truyền được 07 cuộc có 1.150 lượt người tham dự. UBND xã chỉ đạo đối với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã, cán bộ đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên hạn chế sử dụng túi ni-lông khó phân hủy và các sản phẩm nhựa dùng một lần, tái chế các sản phẩm làm từ nhựa; phân loại rác thải tại nguồn,.. tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về phòng, chống rác thải nhựa; vận động các hộ dân, các cơ sở lưu trú trên địa bàn ký cam kết hạn chế sử dụng, tiến đến không sử dụng túi ni-lông, các sản phẩm nhựa sử dụng một lần, dần thay bằng các sản phẩm thân thiện với môi trường và thực hiện bỏ chất thải đúng nơi quy định; không vứt chất thải ra đường, ngõ xóm, xuống kênh mương, cống rãnh, ao hồ, đặc biệt là chất thải nhựa, các sản phẩm nhựa sử dụng một lần. Đến nay xã đã thu gom xử lý được 488,0kg/641,9kg/tháng rác thải nhựa đạt 76,02%.

Trên địa bàn xã đã thành lập mô hình “đổi sản phẩm nhựa sử dụng một lần lấy gạo và nhu hóa phẩm thiết yếu”, đã đổi được 180 kg/tháng rác thải nhựa, góp phần giảm lượng rác thải nhựa ra môi trường, gây mất vệ sinh môi trường và cảnh quan môi trường.

(Kèm theo phụ lục 3. Thống kê hộ gia đình đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng)

18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chi tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung. (chỉ tiêu $\geq 55\%$).

-Chi tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm. (chỉ tiêu ≥ 60 lít).

-Chi tiêu 18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững. (chỉ tiêu $\geq 40\%$).

-Chi tiêu 18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm. (chỉ tiêu 100%).

-Chi tiêu 18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã. (chỉ tiêu không).

-Chỉ tiêu 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. (*chỉ tiêu 90%*).

-Chỉ tiêu 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch. (*chỉ tiêu $\geq 80%$*).

-Chỉ tiêu 18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được xử lý, khắc phục ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường. (*chỉ tiêu 100%*).

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 18.1. Trên địa bàn xã được sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung của nhà máy nước xã Bàn Tân Định và sử dụng từ hệ thống cấp nước tập trung của nhà máy nước xã Thanh Bình, cung cấp nước sạch cho 1.781/3.155 hộ đạt tỷ lệ 56,45%.

-Chỉ tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người đạt 60lít/ngày đêm.

-Chỉ tiêu 18.3. Trên địa bàn xã sử dụng công trình cấp nước tập trung, có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, hàng tháng được kiểm tra chất lượng nước, đảm bảo an toàn vệ sinh cho người sử dụng.

-Chỉ tiêu 18.4. Trên địa bàn xã các cơ sở sản xuất kinh doanh với các ngành nghề như: kinh doanh vật tư nông nghiệp, vật liệu xây dựng, cơ sở xay lúa, thức ăn gia súc, dịch vụ ăn, uống,... Các cơ sở này có đăng ký với cơ quan chuyên môn và thực hiện các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, chưa bị khiếu nại về gây ô nhiễm môi trường tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Có 67/67 cơ sở được tập huấn đạt 100%.

-Chỉ tiêu 18.5. Hàng năm đều có đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất kết quả không có trường hợp vi phạm về an toàn thực phẩm.

-Chỉ tiêu 18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm. Trên địa bàn xã có 01/01 cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản đạt 100%.

-Chỉ tiêu 18.7. Tổng số hộ dân trên địa bàn xã có 3.155 hộ, trong đó số hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa hợp vệ sinh là 2.994/3.155 hộ đạt 94,89%.

-Chỉ tiêu 18.8. Xã Bàn Tân Định được huyện quy hoạch, đầu tư xây dựng bãi thu gom rác tập trung đang hoạt động với diện tích 4.495,0 m² nhằm xử lý chất thải sinh hoạt cụm dân cư xã Bàn Tân Định và một số khu vực lân cận, còn đối với những nơi chưa tổ chức thu gom thì xã tuyên truyền, hướng dẫn, vận động mỗi hộ gia đình tự xây dựng hố rác, thùng phi làm lò đốt rác để xử lý rác của từng hộ, tuyệt đối không vứt ra khu vực công cộng, ao hồ, sông, rạch. UBND xã thường xuyên chỉ đạo Tổ thu gom rác xã phát hoang cỏ và phun xịt vi sinh xử lý mùi hôi, xử lý rác nhằm giảm thiểu mùi hôi, đảm bảo vệ sinh môi trường.

(Kèm theo phụ lục 6. Thống kê bãi chôn lấp CTR sinh hoạt đang hoạt động trên địa bàn xã Bàn Tân Định, huyện Giồng Riềng)

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: Đạt

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh:

a) Yêu cầu tiêu chí:

-Chỉ tiêu 19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

-Chỉ tiêu 19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

-Chỉ tiêu 19.1. Ban CHQS xã có 01 Chỉ huy trưởng, 02 Phó Chỉ huy trưởng, 01 chính trị viên và 01 chính trị viên phó, Chỉ huy trưởng và Phó chỉ huy trưởng có trình độ chuyên môn trung cấp quân sự cơ sở trở lên (có 01 đ/c Phó chỉ huy trưởng đang liên thông cao đẳng ngành quân sự cơ sở). Ban CHQS có trụ sở làm việc riêng; Ban CHQS xã được trang bị cơ sở vật chất có hệ thống biển, bảng theo đúng quy định; xã có 01 mô hình trồng rau màu trong lực lượng DQTV hoạt động có hiệu quả và được nhân rộng. Hàng năm Ban chỉ huy quân sự xã có kế hoạch sử dụng lực lượng dân quân để tham gia vào tiêu chí 2,3,4,17 trong xây dựng nông thôn mới; Về công tác xây dựng lực lượng và phát triển Đảng: Ban chỉ huy quân sự xã tham mưu UBND xã tổ chức kết nạp dân quân và công nhận hoàn thành nghĩa vụ theo đúng quy định, làm tốt công tác phát Đảng trong lực lượng, tính đến nay tổng số lực lượng DQTV toàn xã 117 đồng chí, trong đó đảng viên 34 đồng chí chiếm 29% trong tổng số lực lượng (theo tỉ lệ tiêu chí nông thôn mới nâng cao là 20%).

-Chỉ tiêu 19.2. Năm 2024, xã tiếp tục duy trì, phát triển mục tiêu xã nông thôn mới đang có sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế văn hoá xã hội kèm theo đó là các cơ sở kinh doanh dịch vụ ngày một phát triển đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày một nâng cao cùng với sự phát triển đó cũng là điều kiện để làm nảy sinh không ít các loại tội phạm như ma tuý, đánh bạc, trộm cắp tài sản, hoạt động tội phạm có tính chất băng nhóm, bảo kê và các tệ nạn xã hội... trước tình hình đó Công an xã tham mưu cho TT Đảng uỷ ban hành Nghị quyết số 100-NQ/ĐU ngày 18 tháng 4 năm 2024 về công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự năm 2024; UBND xã ban hành kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 16/04/2024 về thực hiện Công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội năm 2024. Công an xã còn xây dựng và triển khai nhiều chương trình, kế hoạch công tác để thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo An ninh, giữ gìn trật tự an toàn xã hội tại địa phương theo quy định của Công an huyện...; Công an xã đã phát triển mở rộng mô hình Camera ANTT, hộ gia đình, doanh nghiệp lắp đặt Camera và chia sẻ quyền sử dụng cho Công an xã để góp phần đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn xã. Thông qua các cuộc gặp gỡ đối thoại của Bí thư đảng uỷ xã với nhân dân, công an xã đã tuyên truyền công tác phòng chống tội phạm, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, cung cấp số điện thoại đường dây nóng của công an xã đến người dân để tố giác tội phạm, góp phần bảo vệ an ninh tổ quốc trật tự xã hội. Đến quã đến nay trên địa bàn không có phạm pháp hình sự xảy ra, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông giảm.

c) Tự đánh giá mức độ đạt tiêu chí: **Đạt**

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao.

Xã Bàn Tân Định không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

6. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM nâng cao.

6.1. Quan điểm

Sau khi xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao cần tiếp tục xây dựng duy trì và nâng cao chất lượng đạt được của các tiêu chí, để tiếp tục phấn đấu đến 2025 xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”; tập trung thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội nhanh bền vững, giữ vững quốc phòng an ninh.

6.2. Mục tiêu

Tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, trách nhiệm, nghĩa vụ của các tầng lớp nhân dân trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

Từng bước phát triển, kết cấu hạ tầng hiện đại, nâng cao thu nhập, đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Duy trì và nâng cao chất bền vững các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đã đạt được, phấn đấu năm 2025 xây dựng xã “Nông thôn mới kiểu mẫu”.

6.3. Nội dung trọng tâm nâng chất các tiêu chí nông thôn mới nâng cao

Tiêu chí 1: Tiếp tục quản lý và tổ chức triển khai thực hiện đúng quy hoạch chung, thường xuyên cập nhật, rà soát, bổ sung quy hoạch phù hợp với thực tế ở địa phương; phối hợp với Phòng Kinh tế - Hạ tầng xây dựng Đồ án quy hoạch phát triển Hạ tầng - Kinh tế - Xã hội - Môi trường, phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có giai đoạn 2021 – 2025 và giai đoạn 2021-2030 gắn với các tiêu chí nâng xã lên phường. Tăng cường công tác tuyên truyền, kiểm tra xử lý để không có tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về quản lý quy hoạch.

Tiêu chí 2: Duy tu, bảo dưỡng các công trình giao thông đã được đầu tư, tranh thủ nguồn vốn đầu tư mới các tuyến giao thông đường liên ấp; tiếp tục vận động xã hội hóa đầu tư các tuyến đường dân sinh trên địa bàn, phấn đấu đến năm 2025 nâng tỷ lệ đường giao thông nội đồng, đường liên ấp, đường dân sinh đạt 100%.

Tiêu chí 3: Thực hiện đầu tư, duy tu, bảo dưỡng, nạo vét công trình thủy lợi đảm bảo phục vụ sản xuất, phát triển diện tích sản xuất nâng cao hệ số vòng quay của đất. Thường xuyên kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, xây kế hoạch phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đảm bảo theo phương châm 4 tại chỗ, tham gia tập huấn công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn,....

Tiêu chí 4: Kịp thời cải tạo, nâng cấp hệ thống điện để đảm bảo an toàn kỹ thuật; Tranh thủ doanh nghiệp đầu tư phát triển hệ thống lưới điện để phục vụ sinh hoạt và sản xuất của người dân và doanh nghiệp, nhất là ở các tuyến đường mới mở, phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ sử dụng điện đạt 100%. Ban quản lý xã sẽ có kế hoạch phối hợp với các ngành chuyên môn huyện và các đơn vị viễn thông

thường xuyên kiểm tra an toàn kỹ thuật các hệ thống đường dây điện và cáp viễn thông đảm bảo an toàn, tạo vẻ mỹ quan xã nông thôn mới nâng cao.

Tiêu chí 5: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các hạng mục, công trình trường học đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định.

Tiêu chí 6: Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị các điểm sinh hoạt văn hóa xã, ấp, khu thể thao đáp ứng nhu cầu hoạt động văn hóa, thể thao của nhân dân trên địa bàn, duy trì và nâng chất hoạt động các câu lạc bộ thể dục thể thao.

Tiêu chí 7: Tiếp tục kêu gọi xã hội hóa đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; Tăng cường công tác tuần tra, xử lý về trật tự xây dựng, mua bán lấn chiếm lòng lề đường, không để phát sinh tụ điểm kinh doanh tự phát ngoài quy hoạch.

Tiêu chí 8: Tiếp tục triển khai thực hiện tốt cung cấp hồ sơ giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong trong hoạt động của cơ quan nhà nước, triển khai thực hiện tốt dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn xã.

Tiêu chí 9: Tiếp tục huy động nguồn lực xã hội đầu tư, sửa chữa nhà ở nông thôn để nâng cao tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn của bộ xây dựng, phấn đấu đến năm 2025 đạt 99%.

Tiêu chí 10, 11, 12, 13: Tăng cường phát triển sản xuất, gắn với chuyển dịch cơ cấu cây trồng và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất, tăng cường hỗ trợ người dân nhân rộng và phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn, đặc biệt là mô hình sản xuất và tiêu thụ nấm công nghệ cao; Tăng cường liên kết sản xuất thông qua các loại hình kinh tế hợp tác như tổ hợp tác và hợp tác xã, đồng thời phát triển thêm các loại hình thương mại, dịch vụ gắn với du lịch tâm linh, du lịch sinh thái vườn để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, từng bước nâng cao thu nhập của người dân phấn đấu đến năm 2025 đạt 76 triệu đồng/người/năm; phát triển thêm 01 hợp tác xã hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 gắn với hoạt động ký kết liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa với tập đoàn Lộc Trời; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đạt $\geq 35\%$; xã không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo hiện hành; góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Tiêu chí 14: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác phổ biến và hoàn thiện chính sách, chế độ bảo hiểm y tế, tăng cường công tác viên bán BHYT cho người dân; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tham gia BHYT nhất là các xã không đạt tỷ lệ theo quy định; mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, bảo đảm quyền lợi và đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người tham gia bảo hiểm, tăng cường thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm y tế; thường xuyên thực

hiện rà soát đảm bảo các đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% mức đóng đều được cấp thẻ BHYT theo quy định; tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm y tế.

Tiêu chí 15: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện); gán mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn.

Tiêu chí 16: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn. Đảm bảo và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; đặc biệt là người nghèo và các đối tượng chính sách có thể tiếp cận thể chế chính sách, các phương tiện hỗ trợ pháp lý để bảo vệ, thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Làm tốt công tác đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội, không để xảy ra tình trạng tảo hôn, xây dựng địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tin cậy.

Tiêu chí 17: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bảo vệ môi trường, tiếp tục duy trì và nâng chất các tiêu chí đã đạt được, phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ hộ dân có nhà tiêu hợp vệ sinh đạt 99%; tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh môi trường đạt 95%; tỷ lệ hộ dân tham gia thu gom, xử lý chất thải nước thải theo quy định đạt 80%; Tuyên truyền, vận động để hộ dân, các cơ sở sản xuất kinh doanh duy trì đạt chuẩn môi trường, cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp đạt 90%.

Tiêu chí 18: Đầu tư, nâng cấp, mở rộng các công trình cấp nước tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định. Đến năm 2025 có từ 60% số hộ trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung;

Tiêu chí 19: Tiếp tục xây dựng lực lượng dân quân vũng mạnh rộng khắp, đảm bảo an ninh trật tự xã hội được giữ vững, góp phần đảm bảo quốc phòng và an ninh.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

Có đủ hồ sơ theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Bàn Tân Định đã được UBND huyện Giồng Riềng thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã

nông thôn mới nâng cao

Tính đến thời điểm thẩm tra xã Bàn Tân Định không có nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới nâng cao.

III. KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND tỉnh, BCĐ, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh thẩm định, xét công nhận xã Bàn Tân Định đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Nơi nhận:

- TT.UBND tỉnh;
- VP điều phối NTM tỉnh;
- TT.Huyện ủy;
- PCT.HĐND huyện;
- CT và các PCT.UBND huyện;
- TV BCĐ các CT.MTQG huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Văn Thái Quỳnh